

Hà Nội, ngày 27 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận kết quả chấm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp,
thi tốt nghiệp đợt 1 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ CAO HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 1267/QĐ-LĐTĐ ngày 15 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc sáp nhập trường cao đẳng Công nghệ và Môi trường Hà Nội vào trường cao đẳng nghề Công nghệ cao Hà Nội và đổi tên thành trường cao đẳng Công nghệ cao Hà Nội.

Căn cứ Quyết định số 171/QĐ - CĐCNC ngày 07 tháng 4 năm 2023 của Hiệu trưởng trường cao đẳng Công nghệ cao Hà Nội về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng cho các khóa tuyển sinh từ năm học 2022 -2023;

Căn cứ Quyết định số 172/QĐ - CĐCNC ngày 07 tháng 4 năm 2023 của Hiệu trưởng trường cao đẳng Công nghệ cao Hà Nội về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng cho các khóa tuyển sinh trước năm học 2022 - 2023;

Căn cứ Kế hoạch số 311/KH - CĐCNC ngày 08/3/2024 của Hiệu trưởng trường cao đẳng Công nghệ cao Hà Nội về thi và bảo vệ tốt nghiệp năm 2024;

Căn cứ kết quả chấm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp, thi tốt nghiệp đợt 1 năm 2024;
Theo đề nghị của Hội đồng thi tốt nghiệp năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả chấm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp, thi tốt nghiệp đợt 1 năm 2024 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng các Phòng, Khoa, Trung tâm, các đơn vị liên quan và học sinh, sinh viên có tên trong Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3
- Lưu VT, QLĐT



KT/ HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TS. Lê Danh Quang

ĐIỂM BẢO VỆ ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP ĐỢT 1 NĂM 2024

(Ban hành kèm theo quyết định số 805/QĐ-CĐCN ngày 27 tháng 5 năm 2024 của
Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghệ cao Hà Nội)



STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm	Ký tên	Ghi chú
1	12060140101	Ngô Quang Anh	12/12/2001	CĐT 1 - K12.CĐ	9.1		
2	12060140104	Từ Minh Đức	04/09/2003	CĐT 1 - K12.CĐ	7.5		
3	12060140115	Trần Văn Thiệu	17/11/2003	CĐT 1 - K12.CĐ	9.1		
4	12060140120	Dương Quang Vinh	22/03/2003	CĐT 1 - K12.CĐ	8.3		
5	12060140121	Phạm Đình Vinh	16/02/2003	CĐT 1 - K12.CĐ	8.3		
6	12060140116	Đỗ Xuân Thịnh	29/04/2003	CĐT 1 - K12.CĐ	8.6		
7	12060140119	Đỗ Xuân Trường	04/11/2003	CĐT 1 - K12.CĐ	8.3		
8	12060140112	Nguyễn Quang Nghiệp	27/07/2003	CĐT 1 - K12.CĐ	8.9		
9	12060140102	Trần Nhật Duyệt	28/12/2003	CĐT 1 - K12.CĐ	8.9		
10	12060140110	Nguyễn Tiến Minh	17/04/2003	CĐT 1 - K12.CĐ	8.5		
11	12060140105	Vũ Chí Hạnh	05/05/2003	CĐT 1 - K12.CĐ	8.0		
12	12060140122	Nguyễn Ích Vinh	04/03/2001	CĐT 1 - K12.CĐ	8.8		
13	12060140123	Bùi Hoàng Đức	18/07/2003	CĐT 1 - K12.CĐ	8.6		
14	12060140124	Hoàng Tiến Đạt	17/09/2003	CĐT 1 - K12.CĐ	8.8		
15	12060140125	Dương Tiến Anh	06/11/2003	CĐT 1 - K12.CĐ	8.9		
16	12060140128	Lê Văn Huy	08/11/2003	CĐT 1 - K12.CĐ	9.1		
17	12060140129	Đặng Thành Long	10/01/2003	CĐT 1 - K12.CĐ	9.1		
18	12060140130	Bùi Tuấn Anh	24/01/2003	CĐT 1 - K12.CĐ	8.0		
19	12060140132	Nguyễn Tài Hùng	04/06/2003	CĐT 1 - K12.CĐ	8.6		
20	12060140133	Lê Đức Duy	30/10/2003	CĐT 1 - K12.CĐ	8.8		
21	12060140134	Nguyễn Văn Quân	17/11/2003	CĐT 1 - K12.CĐ	8.5		
22	12060140138	Lê Minh Hiệp	01/05/2003	CĐT 1 - K12.CĐ	8.6		
23	12060140106	Phạm Huy Hoàng	19/09/2003	CĐT 1 - K12.CĐ	8.1		
24	12060140126	Dương Phan Minh Tuấn	11/08/2003	CĐT 1 - K12.CĐ	8.9		
25	12060140131	Dương Văn Minh	08/11/2003	CĐT 1 - K12.CĐ	8.9		
26	12060120113	Bùi Duy Khánh	20/10/2003	CGKL 1 - K12.CĐ	7.9		
27	12060120108	Trịnh Minh Hiếu	30/09/2003	CGKL 1 - K12.CĐ	8.4		
28	12060120117	Nguyễn Duy Kiên	26/12/2003	CGKL 1 - K12.CĐ	7.9		
29	12060120127	Nguyễn Duy Quân	30/08/2003	CGKL 1 - K12.CĐ	8.4		
30	12060120118	Nguyễn Văn Lâm	02/11/2003	CGKL 1 - K12.CĐ	8.8		
31	12060120114	Đỗ Thành Khiêm	06/04/2003	CGKL 1 - K12.CĐ	7.9		
32	12060120129	Nguyễn Văn Tính	07/01/2003	CGKL 1 - K12.CĐ	8.0		
33	12060120123	Tạ Hoài Nam	01/04/2002	CGKL 1 - K12.CĐ	9.0		
34	12060120120	Nguyễn Bá Long	27/02/2003	CGKL 1 - K12.CĐ	8.6		
35	12060120109	Đỗ Đình Hòa	05/10/2003	CGKL 1 - K12.CĐ	8.5		



36	12060120110	Dương Thế Huy	19/08/2003	CGKL 1 - K12.CĐ	8.8		
37	12060120138	Phùng Đức Việt	23/05/2003	CGKL 1 - K12.CĐ	8.4		
38	12060120136	Phí Đình Xuân	25/03/2003	CGKL 1 - K12.CĐ	8.8		
39	12060120101	Nguyễn Hữu An	14/12/2003	CGKL 1 - K12.CĐ	8.7		
40	12060120119	Đình Trọng Long	14/11/2003	CGKL 1 - K12.CĐ	8.8		
41	12060120126	Phùng Văn Quang	03/01/2003	CGKL 1 - K12.CĐ	8.9		
42	12060120112	Phùng Văn Hưng	02/01/2003	CGKL 1 - K12.CĐ	8.8		
43	12060120141	Nguyễn Ngọc Bắc Cường	10/04/2003	CGKL 1 - K12.CĐ	8.7		
44	12060120142	Đỗ Khoa Dũng	30/08/2003	CGKL 1 - K12.CĐ	9.0		
45	12060120143	Nguyễn Văn Quang	13/10/2003	CGKL 1 - K12.CĐ	9.0		
46	12060120144	Bùi Duy Văn	28/03/2002	CGKL 1 - K12.CĐ	8.4		
47	12060120222	Lê Vũ Đại	21/09/2002	CGKL2 - K12.CĐ	9.3		
48	12060180102	Nguyễn Ngọc Anh	20/11/2003	CGKL2 - K12.CĐ	8.5		
49	12060120205	Lê Khánh Toàn	02/08/2003	CGKL2 - K12.CĐ	8.6		
50	12060120201	Nguyễn Đức Nghĩa	06/06/2003	CGKL2 - K12.CĐ	8.1		
51	12060120202	Khương Đình Quân	17/12/2003	CGKL2 - K12.CĐ	9.0		
52	12060120204	Đỗ Quốc Thái	09/08/2003	CGKL2 - K12.CĐ	8.5		
53	12060180112	Sần Văn Đại	21/04/2003	CGKL2 - K12.CĐ	8.6		
54	12060120206	Ngô Xuân Trường	16/01/2003	CGKL2 - K12.CĐ	8.6		
55	12060120208	Đỗ Thanh Tùng	22/11/2003	CGKL2 - K12.CĐ	8.9		
56	12060120207	Lê Xuân Bắc	16/08/2003	CGKL2 - K12.CĐ	8.6		
57	12060120209	Nguyễn Tiên Học	08/01/2003	CGKL2 - K12.CĐ	8.1		
58	12060120211	Nguyễn Trung Hiếu	30/08/2003	CGKL2 - K12.CĐ	8.6		
59	12060120217	Nguyễn Duy Thìn	04/05/2000	CGKL2 - K12.CĐ	9.0		
60	12060120220	Đỗ Đăng Khoa	21/01/2003	CGKL2 - K12.CĐ	9.3		
61	12060120223	Bùi Văn Duy	20/02/2003	CGKL2 - K12.CĐ	9.3		
62	12060120224	Lê Đức Hiền	21/10/1997	CGKL2 - K12.CĐ	8.9		
63	12060120231	Nguyễn Văn Thắng	15/01/2003	CGKL2 - K12.CĐ	8.6		
64	12060120232	Hoàng Văn Tuấn	19/08/2003	CGKL2 - K12.CĐ	8.8		
65	12060810122	Nguyễn Thị Phương Anh	09/03/2003	CSSĐ1 - K12.CĐ	9.9		
66	12060810127	Nguyễn Thị Huế	22/02/2003	CSSĐ1 - K12.CĐ	8.4		
67	12060810103	Đình Thị Hương Giang	09/09/2003	CSSĐ1 - K12.CĐ	9.3		
68	12060810105	Tạ Thị Hà	24/01/2002	CSSĐ1 - K12.CĐ	8.0		
69	12060810120	Hồ Thị Hoa	29/04/2003	CSSĐ1 - K12.CĐ	8.9		
70	12060810113	Chu Thị Thu Trang	05/11/2003	CSSĐ1 - K12.CĐ	9.4		
71	12060810102	Nguyễn Thị Hồng Chúc	01/03/2003	CSSĐ1 - K12.CĐ	10.0		
72	12060810107	Đoàn Thị Lan Hương	08/02/2003	CSSĐ1 - K12.CĐ	0		Bỏ BV
73	12060810101	Nguyễn Lan Anh	24/06/2003	CSSĐ1 - K12.CĐ	8.8		
74	12060810114	Trần Thị Hải Yến	20/02/2001	CSSĐ1 - K12.CĐ	8.8		
75	12060810123	Trần Hoàng Bảo Hân	03/08/2003	CSSĐ1 - K12.CĐ	9.0		

BAN
 TRƯỞNG
 CÔNG
 H

✓

76	12060810124	Lương Diệu Hồng	29/04/2000	CSSĐ1 - K12.CĐ	9.4		
77	12060810128	Bùi Thị Hằng	06/04/2002	CSSĐ1 - K12.CĐ	9.0		
78	12060810129	Hà Huyền Trang	14/10/2003	CSSĐ1 - K12.CĐ	8.8		
79	12060810131	Nguyễn Minh Thương	02/06/2003	CSSĐ1 - K12.CĐ	8.0		
80	12060810130	Nguyễn Thị Ngọc Huệ	22/09/2002	CSSĐ1 - K12.CĐ	9.0		
81	12060810134	Nguyễn Thị Ngọc Linh	01/12/2003	CSSĐ1 - K12.CĐ	9.0		
82	14130810001	Nguyễn Thị Thom	24/11/1989	CSSĐ1 - K14.CĐLT	9.4		
83	14130810004	Lê Thị Thúy Vinh	10/04/1993	CSSĐ1 - K14.CĐLT	8.8		
84	14130810005	Nguyễn Thị Hà Thanh	21/10/1993	CSSĐ1 - K14.CĐLT	8.6		
85	14130810006	Nguyễn Thị Kiều	14/11/1999	CSSĐ1 - K14.CĐLT	8.6		
86	14130810007	Nguyễn Thị Hoa	25/12/1995	CSSĐ1 - K14.CĐLT	8.6		
87	14130810008	Nguyễn Thị Huệ	20/04/1991	CSSĐ1 - K14.CĐLT	8.5		
88	14130810009	Nguyễn Thị Huyền Trang	01/01/1995	CSSĐ1 - K14.CĐLT	8.8		
89	14130810010	Kiều Thị Hiền	19/09/1988	CSSĐ1 - K14.CĐLT	8.1		
90	14130810012	Nguyễn Thị Phương	14/12/1985	CSSĐ1 - K14.CĐLT	8.4		
91	14130810013	Đặng Ánh Tuyết	12/12/1989	CSSĐ1 - K14.CĐLT	9.0		
92	14130810014	Nguyễn Thị Hà Trang	15/08/1999	CSSĐ1 - K14.CĐLT	8.5		
93	14130810015	Nguyễn Thị Thu Hiền	12/09/1980	CSSĐ1 - K14.CĐLT	8.9		
94	14130810016	Trần Thị Trúc	15/08/1985	CSSĐ1 - K14.CĐLT	8.6		
95	14130810018	Lê Thị Kim Ngân	22/10/1997	CSSĐ1 - K14.CĐLT	8.1		
96	14130810020	Hoàng Thu Hường	31/10/1984	CSSĐ1 - K14.CĐLT	8.8		
97	14130810027	Hoàng Thị Hoài Dung	14/09/1993	CSSĐ1 - K14.CĐLT	7.5		
98	14130810022	Phan Thị Tuyết Thom	08/11/1982	CSSĐ1 - K14.CĐLT	8.6		
99	14130810023	Nguyễn Thị Minh Thu	13/04/1981	CSSĐ1 - K14.CĐLT	8.0		
100	14130810024	Phạm Thu Trang	27/10/1989	CSSĐ1 - K14.CĐLT	9.0		
101	14130810025	Nguyễn Thị Vân Anh	18/09/1988	CSSĐ1 - K14.CĐLT	9.3		
102	14130810026	Chu Thị Thu Hà	30/09/1985	CSSĐ1 - K14.CĐLT	8.6		
103	14130810028	Hoàng Yến	14/01/1978	CSSĐ1 - K14.CĐLT	8.5		
104	14130810029	Kiều Thị An	15/06/1995	CSSĐ1 - K14.CĐLT	9.1		
105	14130810030	Nguyễn Thị Thành	30/04/1992	CSSĐ1 - K14.CĐLT	9.3		
106	14130810032	Đỗ Thị Hà	04/05/1981	CSSĐ1 - K14.CĐLT	9.4		
107	14130810035	Trương Thị Hải Dương	27/02/2000	CSSĐ1 - K14.CĐLT	8.9		
108	14130810039	Trần Thị Yến	08/03/1986	CSSĐ1 - K14.CĐLT	9.0		
109	14130810037	Tăng Thị Dung	25/07/1991	CSSĐ1 - K14.CĐLT	8.6		
110	14130810038	Luyện Thị Thanh Uyên	23/05/1979	CSSĐ1 - K14.CĐLT	8.3		
111	14130810033	Trần Việt Xuân	15/04/1988	CSSĐ1 - K14.CĐLT	9.3		
112	14130810036	Nguyễn Thị Hoàng Ouvên	11/07/1994	CSSĐ1 - K14.CĐLT	8.3		
113	14130810040	Nguyễn Thị Huyền	19/01/1990	CSSĐ1 - K14.CĐLT	8.8		
114	14130810042	Nguyễn Hương Trà	06/06/1996	CSSĐ1 - K14.CĐLT	9.3		
115	14130810043	Trần Thị Phượng	12/01/1991	CSSĐ1 - K14.CĐLT	8.1		

T.H.
 CÔNG
 ĐẢN
 NGHỆ
 NỘ
 *

116	14130810044	Trần Thị Quỳnh	27/03/1990	CSSĐ1 - K14.CĐLT	8.1		
117	12060170109	Hà Mạnh Toàn	21/06/2003	CTKM 1 - K12.CĐ	9.1		
118	12060170104	Trịnh Quang Sơn	23/12/2003	CTKM 1 - K12.CĐ	8.9		
119	12060170101	Nguyễn Huy Hoàng	09/10/2003	CTKM 1 - K12.CĐ	8.8		
120	12060170112	Dương Công Hiền	22/11/2003	CTKM 1 - K12.CĐ	8.8		
121	12060170106	Đào Văn Tú	30/08/2003	CTKM 1 - K12.CĐ	8.6		
122	12060170102	Nguyễn Đình Khoa	25/07/2003	CTKM 1 - K12.CĐ	8.6		
123	12060170110	Trần Quang Duy	12/04/2003	CTKM 1 - K12.CĐ	9.1		
124	12060180114	Đình Thanh Sắc	18/12/2003	CTTBCK 1 - K12.CĐ	6.6		
125	12060120124	Nguyễn Văn Phúc	14/12/2003	CTTBCK 1 - K12.CĐ	8.1		
126	12060180101	Lê Danh Tài Anh	14/10/2003	CTTBCK 1 - K12.CĐ	7.1		
127	12060180103	Đỗ Văn Dương	20/06/2003	CTTBCK 1 - K12.CĐ	7.6		
128	12060180108	Vương Văn Toàn	13/08/2003	CTTBCK 1 - K12.CĐ	8.3		
129	12060180111	Đào Duy Thăng	28/01/2003	CTTBCK 1 - K12.CĐ	8.0		
130	12060180113	Lê Chí Hiếu	27/11/2003	CTTBCK 1 - K12.CĐ	9.3		
131	12060180119	Nguyễn Quang Tú	21/08/2003	CTTBCK 1 - K12.CĐ	8.0		
132	12060180120	Lê Tuấn Anh	05/04/2003	CTTBCK 1 - K12.CĐ	7.0		
133	12060180121	Lê Thọ Dũng	03/01/2003	CTTBCK 1 - K12.CĐ	8.4		
134	12060180122	Kiều Hoàng Long	05/02/2003	CTTBCK 1 - K12.CĐ	8.8		
135	12060180128	Nguyễn Thế Khánh	30/06/2003	CTTBCK 1 - K12.CĐ	8.0		
136	12060180129	Hoàng Mạnh Trường	07/04/2001	CTTBCK 1 - K12.CĐ	9.0		
137	12060310116	Đình Đức Mạnh	30/05/1999	ĐCN 1 - K12.CĐ	9.3		
138	12060310135	Nguyễn Văn Thiều	18/10/2000	ĐCN 1 - K12.CĐ	9.1		
139	12060310124	Trần Khánh Toàn	14/05/2003	ĐCN 1 - K12.CĐ	8.8		
140	12060310102	Trương Công Anh	27/11/2003	ĐCN 1 - K12.CĐ	9.1		
141	12060310137	Bùi Hà Đức Khánh	04/12/2003	ĐCN 1 - K12.CĐ	9.3		
142	12060310107	Nguyễn Đình Duy	28/11/2003	ĐCN 1 - K12.CĐ	8.9		
143	12060310123	Hoàng Xuân Thông	06/01/2003	ĐCN 1 - K12.CĐ	8.9		
144	12060310108	Lê Mạnh Dũng	16/06/2003	ĐCN 1 - K12.CĐ	9.3		
145	12060310105	Trần Thành Công	15/06/2003	ĐCN 1 - K12.CĐ	8.8		
146	12060310113	Kiều Huy Hoàng	08/06/2003	ĐCN 1 - K12.CĐ	8.9		
147	12060310120	Nguyễn Khắc Xuân Sang	12/07/2003	ĐCN 1 - K12.CĐ	8.9		
148	12060310118	Đình Hoài Nam	18/10/2003	ĐCN 1 - K12.CĐ	8.6		
149	12060310110	Vũ Văn Hải	04/11/2003	ĐCN 1 - K12.CĐ	8.5		
150	12060310117	Nguyễn Duy Minh	31/01/2003	ĐCN 1 - K12.CĐ	8.8		
151	12060310112	Nguyễn Văn Hiếu	14/11/2003	ĐCN 1 - K12.CĐ	9.0		
152	12060310111	Kiều Minh Hiếu	01/04/2003	ĐCN 1 - K12.CĐ	8.5		
153	12060310109	Nguyễn Anh Đức	07/11/2003	ĐCN 1 - K12.CĐ	8.5		
154	12060310119	Nguyễn Văn Quân	26/06/2003	ĐCN 1 - K12.CĐ	8.6		
155	12060310128	Bùi Quang Khải	20/08/2003	ĐCN 1 - K12.CĐ	9.1		

156	12060310132	Lê Trung Hiếu	20/12/2003	ĐCN 1 - K12.CĐ	9.1	
157	12060310134	Nguyễn Đắc Hiếu	11/10/2003	ĐCN 1 - K12.CĐ	9.1	
158	12060310136	Trần Quang Sinh	31/03/2003	ĐCN 1 - K12.CĐ	9.3	
159	12060310213	Bùi Thăng Long	18/08/2003	ĐCN 2 - K12.CĐ	8.8	
160	12060310126	Hoàng Đăng Tú	17/11/2003	ĐCN 2 - K12.CĐ	8.0	
161	12060310114	Hoàng Văn Hòa	20/03/2003	ĐCN 2 - K12.CĐ	8.3	
162	12060310125	Lê Văn Tuấn	15/08/2002	ĐCN 2 - K12.CĐ	9.3	
163	12060310206	Trần Quang Cường	03/10/2003	ĐCN 2 - K12.CĐ	8.9	
164	12060310208	Phan Đình Dũng	01/02/2003	ĐCN 2 - K12.CĐ	8.6	
165	12060310210	Đỗ Quang Tiến	07/11/2003	ĐCN 2 - K12.CĐ	8.0	
166	12060310211	Hạ Khánh Duy	26/05/2003	ĐCN 2 - K12.CĐ	9.3	
167	12060310217	Nguyễn Tuấn Anh	14/03/2003	ĐCN 2 - K12.CĐ	9.1	
168	12060310219	Vũ Minh Hiếu	25/08/2003	ĐCN 2 - K12.CĐ	9.0	
169	12060310204	Lê Minh Huy	10/07/2002	ĐCN 2 - K12.CĐ	8.3	
170	12060310225	Nguyễn Thành Công	09/05/2003	ĐCN 2 - K12.CĐ	9.1	
171	12060260116	Nguyễn Hữu Thành	28/03/2002	ĐCN 2 - K12.CĐ	8.3	
172	12060410112	Phạm Văn Dũng	24/01/2001	ĐTCN 1 - K12.CĐ	8.0	
173	12060410108	Nguyễn Bá Quang	16/02/2003	ĐTCN 1 - K12.CĐ	10.0	
174	12060410110	Nguyễn Công Xuân	24/04/2003	ĐTCN 1 - K12.CĐ	10.0	
175	12060260111	Phan Toàn Lộc	12/12/2003	ĐTCN 1 - K12.CĐ	7.0	
176	12060260106	Cao Tiến Đức	29/01/2003	ĐTCN 1 - K12.CĐ	7.0	
177	12060410103	Dương Việt Cường	19/08/2003	ĐTCN 1 - K12.CĐ	8.0	
178	12060410105	Lê Xuân Lực	27/06/2003	ĐTCN 1 - K12.CĐ	7.0	
179	12060410101	Ngô Văn Chính	21/06/2003	ĐTCN 1 - K12.CĐ	8.0	
180	12060410106	Nghiêm Tiến Mạnh	26/10/2003	ĐTCN 1 - K12.CĐ	8.0	
181	12060410113	Nguyễn Xuân Quý	16/09/2003	ĐTCN 1 - K12.CĐ	9.0	
182	12060310205	Nguyễn Thành Long	13/02/2003	ĐTCN 1 - K12.CĐ	9.0	
183	12060410114	Trịnh Minh Chiến	27/08/2000	ĐTCN 1 - K12.CĐ	8.0	
184	12060410117	Nguyễn Văn Tuấn	29/03/2003	ĐTCN 1 - K12.CĐ	7.0	
185	12060410118	Phạm Duy Tân	19/05/1999	ĐTCN 1 - K12.CĐ	8.0	
186	12060410120	Nguyễn Thiên Minh	24/01/2003	ĐTCN 1 - K12.CĐ	7.0	
187	12060410122	Ngô Quang Minh	03/02/2003	ĐTCN 1 - K12.CĐ	0	Bỏ BV
188	12060410123	Giáp Văn Phá	20/07/2003	ĐTCN 1 - K12.CĐ	8.0	
189	12060410124	Nguyễn Anh Tuấn	01/08/2003	ĐTCN 1 - K12.CĐ	9.0	
190	12060410125	Bùi Minh Nguyên	05/02/2003	ĐTCN 1 - K12.CĐ	7.0	
191	12060410127	Trương Văn Thắng	15/04/2003	ĐTCN 1 - K12.CĐ	7.0	
192	12060410128	Nguyễn Văn Trường	23/08/2003	ĐTCN 1 - K12.CĐ	9.0	
193	12060410129	Nguyễn Hoàng Lâm	07/07/2003	ĐTCN 1 - K12.CĐ	8.0	
194	11060410123	Lê Xuân Minh	03/11/2002	ĐTCN 2 - K11.CĐ	7.0	
195	13130440101	Vũ Quang Khải	06/12/2004	ĐTCN1 - K13.CĐLT	9.0	

196	13130440102	Nguyễn Bá Khánh	21/07/2004	ĐTCN1 - K13.CĐLT	9.0		
197	12060110101	Phạm Minh Đức	02/10/2003	Hàn 1 - K12.CĐ	6.9		
198	12060180109	Hà Đình Cường	22/12/2001	Hàn 1 - K12.CĐ	7.0		
199	12060110103	Đỗ Thành Nam	16/12/2003	Hàn 1 - K12.CĐ	7.5		
200	12060320107	Nguyễn Thế Nam	05/10/2000	LĐĐ 1 - K12.CĐ	9.0		
201	12060320112	Trần Quang Điền	14/06/2003	LĐĐ 1 - K12.CĐ	8.5		
202	12060320120	Nguyễn Quang Sơn	24/06/2000	LĐĐ 1 - K12.CĐ	9.3		
203	12060320103	Trần Văn Hiệu	18/11/2002	LĐĐ 1 - K12.CĐ	8.6		
204	12060320121	Lê Việt Thành	04/11/2003	LĐĐ 1 - K12.CĐ	8.4		
205	12060320118	Nông Hoài Nam	10/08/2003	LĐĐ 1 - K12.CĐ	9.0		
206	12060320113	Nguyễn Xuân Đỉnh	04/05/2001	LĐĐ 1 - K12.CĐ	8.6		
207	12060320106	Trần Ngọc Khánh	13/10/2003	LĐĐ 1 - K12.CĐ	8.9		
208	12060320105	Nguyễn Đức Hùng	09/10/2003	LĐĐ 1 - K12.CĐ	8.5		
209	12060310127	Đình Quang Trường	15/04/2003	LĐĐ 1 - K12.CĐ	8.3		
210	12060320104	Ngô Văn Hùng	01/01/2001	LĐĐ 1 - K12.CĐ	9.0		
211	12060320122	Nguyễn Đức Thắng	28/08/2003	LĐĐ 1 - K12.CĐ	9.5		
212	12060320123	Vũ Anh Tuấn	11/02/2003	LĐĐ 1 - K12.CĐ	9.0		
213	12060320111	Trịnh Xuân Chiến	09/05/2003	LĐĐ 1 - K12.CĐ	8.6		
214	12060320125	Ngô Văn Trung	16/04/2003	LĐĐ 1 - K12.CĐ	8.6		
215	12060320115	Trịnh Văn Hình	20/08/2003	LĐĐ 1 - K12.CĐ	8.6		
216	12060320126	Trần Văn Vương	24/04/2003	LĐĐ 1 - K12.CĐ	8.4		
217	12060320117	Nguyễn Đức Mạnh	31/01/2003	LĐĐ 1 - K12.CĐ	8.5		
218	12060320135	Ngô Văn Toàn	19/10/2003	LĐĐ 1 - K12.CĐ	8.5		
219	12060320144	Nguyễn Hoàng Sơn	17/06/2001	LĐĐ 1 - K12.CĐ	8.9		
220	12060320148	Nguyễn Đoàn Hoàng Hiên	20/03/2003	LĐĐ 1 - K12.CĐ	9.0		
221	12060320129	Phí Công Huyền	17/07/2003	LĐĐ 2 - K12.CĐ	9.0		
222	12060320108	Nguyễn Hồng Sơn	17/12/2003	LĐĐ 2 - K12.CĐ	8.1		
223	12060320101	Đỗ Tuấn Anh	03/10/2003	LĐĐ 2 - K12.CĐ	8.0		
224	12060910408	Kiều Đức Giang	05/09/2003	LĐĐ 2 - K12.CĐ	8.8		
225	12060320114	Hoàng Văn Hưng	07/03/2003	LĐĐ 2 - K12.CĐ	9.3		
226	12060320116	Bùi Quang Huy	09/10/2002	LĐĐ 2 - K12.CĐ	9.1		
227	12060320128	Chu Xuân Chính	25/05/2003	LĐĐ 2 - K12.CĐ	9.0		
228	12060320130	Nguyễn Tiên Quang	13/02/2003	LĐĐ 2 - K12.CĐ	8.5		
229	12060320136	Chu Đình Nam Anh	02/11/2003	LĐĐ 2 - K12.CĐ	9.5		
230	12060320139	Nguyễn Quang An	10/02/2003	LĐĐ 2 - K12.CĐ	8.8		
231	12060320142	Vi Văn Chuyên	21/09/2003	LĐĐ 2 - K12.CĐ	9.1		
232	12060320143	Hoàng Xuân Đạt	13/02/2003	LĐĐ 2 - K12.CĐ	9.1		
233	12060320124	Bùi Văn Tuấn	27/08/2003	LĐĐ 2 - K12.CĐ	9.4		
234	12060320137	Kiều Xuân Tùng	18/08/2003	LĐĐ 2 - K12.CĐ	9.8		
235	12060320140	Đặng Hoài Vũ	27/01/2003	LĐĐ 2 - K12.CĐ	8.1		

236	12060320146	Nguyễn Hữu Thế	21/10/2003	LĐĐ 2 - K12.CĐ	9.0		
237	12060330124	Quách Hữu Thương	15/08/2002	ML 1 - K12.CĐ	8.4		
238	12060330133	Nguyễn Quốc Việt	11/10/1999	ML 1 - K12.CĐ	9.3		
239	12060330125	Nguyễn Đắc Tuấn	06/03/2003	ML 1 - K12.CĐ	8.8		
240	12060330104	Dương Trịnh Cảnh	11/02/2003	ML 1 - K12.CĐ	8.6		
241	12060330132	Khuất Hữu Văn	25/01/2003	ML 1 - K12.CĐ	9.1		
242	12060330122	Cảnh Chi Sáng	14/07/2003	ML 1 - K12.CĐ	8.0		
243	12060330128	Nguyễn Thịnh Trọng	30/10/2003	ML 1 - K12.CĐ	8.4		
244	12060330114	Nguyễn Văn Khuyến	15/12/2003	ML 1 - K12.CĐ	7.9		
245	12060330117	Nguyễn Văn Nam	06/08/2003	ML 1 - K12.CĐ	7.9		
246	12060330108	Nguyễn Văn Đạt	20/08/2002	ML 1 - K12.CĐ	9.0		
247	12060330130	Phùng Văn Trung	04/02/2003	ML 1 - K12.CĐ	8.4		
248	12060330127	Dương Anh Tú	25/07/2003	ML 1 - K12.CĐ	8.8		
249	12060330121	Nguyễn Công Sang	20/11/2003	ML 1 - K12.CĐ	0		Bỏ BV
250	12060330109	Nguyễn Văn Đông	27/11/2003	ML 1 - K12.CĐ	8.1		
251	12060330138	Cao Phú Sơn	18/12/2003	ML 1 - K12.CĐ	8.3		
252	12060330139	Nguyễn Quốc Chiến	25/09/2003	ML 1 - K12.CĐ	8.5		
253	12060330145	Vũ Ngọc Tân	28/07/2001	ML 1 - K12.CĐ	8.8		
254	11060330110	Hoàng Đăng Hải Đăng	30/04/2002	ML1 - K11.CĐ	8.9		
255	13130430109	Ngân Văn Thuận	01/02/2004	ML1 - K13.CĐLT	8.8		
256	12060330112	Nguyễn Huy Hoàng	14/08/2003	ML2 - K12.CĐ	9.0		
257	12060330106	Đặng Tiến Đạt	08/12/2003	ML2 - K12.CĐ	8.3		
258	12060330102	Đoàn Hoàng Anh	28/02/2003	ML2 - K12.CĐ	8.5		
259	12060330113	Đỗ Hữu Hưng	22/09/2002	ML2 - K12.CĐ	8.0		
260	12060330137	Nguyễn Hồng Sơn	03/07/2003	ML2 - K12.CĐ	9.0		
261	12060330140	Nguyễn Đắc Thế	21/10/2003	ML2 - K12.CĐ	7.8		
262	12060330141	Hà Văn Tuấn	07/11/2003	ML2 - K12.CĐ	8.4		
263	12060330143	Phạm Hà Duy	29/06/2003	ML2 - K12.CĐ	9.1		
264	12060330201	Nguyễn Đình Thái	15/03/2003	ML2 - K12.CĐ	7.9		
265	12060310207	Hoàng Việt Anh	28/10/2003	ML2 - K12.CĐ	8.9		
266	12060330202	Trần Minh Hiếu	02/06/2003	ML2 - K12.CĐ	8.5		
267	12060330203	Nguyễn Huy Hùng	28/05/2003	ML2 - K12.CĐ	8.3		
268	12060330204	Phạm Văn Thắng	11/12/2002	ML2 - K12.CĐ	7.8		
269	12060330207	Ngô Công Hội	30/04/2002	ML2 - K12.CĐ	8.3		
270	12060330206	Nguyễn Cao Dũng	15/11/2003	ML2 - K12.CĐ	8.5		
271	12060330209	Nguyễn Văn Thực	08/11/2003	ML2 - K12.CĐ	8.1		
272	12060330210	Lê Văn Hưng	26/12/2003	ML2 - K12.CĐ	0		Bỏ BV
273	12060330212	Đình Việt Hoàng	10/09/2003	ML2 - K12.CĐ	7.8		
274	12060330216	Đình Tiến Dương	09/12/2003	ML2 - K12.CĐ	7.9		
275	12060910639	Nguyễn Văn Trường	27/03/2002	ML2 - K12.CĐ	9.1		

276	12060770104	Thao Thị Li	15/08/2003	NN Hàn 1 - K12.CĐ	4.3		
277	12060770105	Nguyễn Thị Thúy Nga	15/12/2002	NN Hàn 1 - K12.CĐ	4.1		
278	12060770106	Trần Thu Trang	21/12/2003	NN Hàn 1 - K12.CĐ	7.3		
279	12060770107	Trần Thị Hằng	25/04/2003	NN Hàn 1 - K12.CĐ	4.1		
280	12060770108	Nguyễn Thanh Thảo	26/08/2003	NN Hàn 1 - K12.CĐ	8.8		
281	12060770109	Lâm Ngọc Hoàng	19/02/2003	NN Hàn 1 - K12.CĐ	7.9		
282	12060770110	Bùi Thị Minh Thư	10/10/2003	NN Hàn 1 - K12.CĐ	7.3		
283	12060760101	Phạm Ngọc Lan	27/09/2003	NNA 1 - K12.CĐ	8.1		
284	12060760102	Trần Quang Huy	24/09/2002	NNA 1 - K12.CĐ	8.7		
285	12130910116	Đặng Tuấn Minh	25/03/2004	Ô Tô 1-K12.CĐLT	8.3		
286	12060910124	Nguyễn Công Phú	18/05/2003	Ô tô 1 - K12.CĐ	8.4		
287	12060910105	Vũ Văn Cảnh	13/02/2003	Ô tô 1 - K12.CĐ	9.1		
288	12060910135	Cao Xuân Vị	29/10/2003	Ô tô 1 - K12.CĐ	8.6		
289	12060910129	Ngô Văn Quyết	26/08/2003	Ô tô 1 - K12.CĐ	8.3		
290	12060910104	Đỗ Đức Cảnh	19/08/2003	Ô tô 1 - K12.CĐ	8.3		
291	12060910110	Nguyễn Gia Đại	21/07/2002	Ô tô 1 - K12.CĐ	8.9		
292	12060910109	Nguyễn Văn Đáng	23/11/2002	Ô tô 1 - K12.CĐ	8.5		
293	12060910134	Lê Quang Vinh	28/08/2003	Ô tô 1 - K12.CĐ	8.0		
294	12060910112	Hoàng Minh Đoàn	18/08/2003	Ô tô 1 - K12.CĐ	7.5		
295	12060910123	Nguyễn Văn Nghiên	05/01/2003	Ô tô 1 - K12.CĐ	8.6		
296	12060910117	Lê Quốc Hùng	22/01/2003	Ô tô 1 - K12.CĐ	9.0		
297	12060910128	Hà Minh Quân	14/09/2003	Ô tô 1 - K12.CĐ	7.5		
298	12060910130	Nguyễn Văn Tấn	16/12/2003	Ô tô 1 - K12.CĐ	7.8		
299	12060910131	Trương Trọng Thê	19/08/2003	Ô tô 1 - K12.CĐ	8.3		
300	12060910111	Phạm Thành Đạt	19/08/2003	Ô tô 1 - K12.CĐ	7.5		
301	12060910103	Nguyễn Việt Anh	09/06/2003	Ô tô 1 - K12.CĐ	8.0		
302	12060910114	Phạm Văn Hải	09/04/2003	Ô tô 1 - K12.CĐ	8.3		
303	12060910102	Nguyễn Thế An	18/03/2003	Ô tô 1 - K12.CĐ	7.8		
304	12060910125	Nguyễn Văn Phương	09/10/2002	Ô tô 1 - K12.CĐ	7.5		
305	12060910116	Cò Quang Huy	26/06/2003	Ô tô 1 - K12.CĐ	9.1		
306	12060910108	Phan Bình Dương	03/06/2003	Ô tô 1 - K12.CĐ	8.4		
307	12060910122	Nguyễn Hải Long	29/08/2003	Ô tô 1 - K12.CĐ	8.0		
308	12060910113	Nguyễn Văn Đức	22/05/2003	Ô tô 1 - K12.CĐ	8.1		
309	12060910232	Vũ Anh Tuấn	07/07/2003	Ô tô 1 - K12.CĐ	7.8		
310	12060910118	Phạm Đức Hùng	17/07/2001	Ô tô 1 - K12.CĐ	0		Bỏ BV
311	12060910132	Lê Thanh Tùng	17/02/2003	Ô tô 1 - K12.CĐ	7.3		
312	12060910248	Trần Hải Nhân	17/08/2003	Ô tô 2 - K12.CĐ	9.0		
313	12060910251	Dương Trung Hưng	31/12/2002	Ô tô 2 - K12.CĐ	8.1		
314	12060910224	Nguyễn Tiến Quỳnh	29/07/2003	Ô tô 2 - K12.CĐ	8.8		
315	12060910216	Nguyễn Hữu Long	13/11/2003	Ô tô 2 - K12.CĐ	0		Bỏ BV

316	12060910223	Lê Hồng Quân	05/06/2003	Ô tô2 - K12.CĐ	7.6		
317	12060910225	Nguyễn Bá Thanh Sơn	14/04/2003	Ô tô2 - K12.CĐ	7.6		
318	12060910210	Nguyễn Thịnh Hào	04/08/2003	Ô tô2 - K12.CĐ	7.9		
319	12060910201	Hoàng Đức Anh	06/08/2003	Ô tô2 - K12.CĐ	7.6		
320	12060910215	Nguyễn Tất Kiên	18/01/2003	Ô tô2 - K12.CĐ	8.0		
321	12060910217	Trần Long Vũ	07/08/2003	Ô tô2 - K12.CĐ	7.6		
322	12060910218	Nguyễn Trung Lương	29/05/2003	Ô tô2 - K12.CĐ	9.0		
323	12060910412	Lê Văn Hưng	16/02/2003	Ô tô2 - K12.CĐ	7.4		
324	12060910238	Đỗ Đức Thuận	19/06/2003	Ô tô2 - K12.CĐ	7.6		
325	12060910241	Nguyễn Minh Hạnh	18/07/2003	Ô tô2 - K12.CĐ	7.9		
326	12060910242	Đoàn Văn Hợp	19/09/2003	Ô tô2 - K12.CĐ	7.5		
327	12060910244	Cao Văn Siêu	13/09/2003	Ô tô2 - K12.CĐ	8.3		
328	12060910252	Lê Mạnh Thắng	08/01/2003	Ô tô2 - K12.CĐ	7.9		
329	12060910250	Tạ Tiểu Bảo	01/09/2003	Ô tô2 - K12.CĐ	8.6		
330	12060910253	Nguyễn Đức Duy	07/04/2003	Ô tô2 - K12.CĐ	8.6		
331	12060910255	Bùi Đức Việt	02/01/2002	Ô tô2 - K12.CĐ	8.1		
332	12060910203	Vũ Đình Chiến	31/03/2003	Ô tô3 - K12.CĐ	8.1		
333	12060910304	Phan Minh Dũng	16/09/2003	Ô tô3 - K12.CĐ	7.8		
334	12060910319	Trần Duy Khánh	14/10/2003	Ô tô3 - K12.CĐ	7.8		
335	12060910330	Vũ Trung Tú	13/08/2003	Ô tô3 - K12.CĐ	7.3		
336	12060910314	Đoàn Việt Hùng	16/06/2003	Ô tô3 - K12.CĐ	7.5		
337	12060910301	Nguyễn Thế Anh	12/07/2003	Ô tô3 - K12.CĐ	8.0		
338	12060910329	Trần Anh Tú	28/10/2003	Ô tô3 - K12.CĐ	7.3		
339	12060910321	Nguyễn Xuân Lộc	18/02/2003	Ô tô3 - K12.CĐ	7.3		
340	12060910318	Nguyễn Ngọc Khánh	25/05/2003	Ô tô3 - K12.CĐ	8.3		
341	12060910334	Đình Thái Việt	18/09/2003	Ô tô3 - K12.CĐ	7.3		
342	12060910326	Lê Ngọc Thiện	22/03/2003	Ô tô3 - K12.CĐ	7.8		
343	12060910309	Nguyễn Hưng Hoan	07/05/2003	Ô tô3 - K12.CĐ	8.0		
344	12060910322	Cao Ngọc Minh	17/10/2003	Ô tô3 - K12.CĐ	7.5		
345	12060910307	Lê Quang Đạt	17/02/2002	Ô tô3 - K12.CĐ	8.0		
346	12060910303	Nguyễn Quý Bình	23/07/2003	Ô tô3 - K12.CĐ	8.0		
347	12060910315	Mãn Anh Hùng	20/02/2003	Ô tô3 - K12.CĐ	8.0		
348	12060910323	Nguyễn Văn Nam	03/07/2003	Ô tô3 - K12.CĐ	7.3		
349	12060910245	Đoàn Anh Đức	07/07/2003	Ô tô3 - K12.CĐ	7.5		
350	12060910339	Hà Ngọc Phương	13/03/2003	Ô tô3 - K12.CĐ	7.5		
351	12060910308	Bạch Minh Hiếu	35844	Ô tô3 - K12.CĐ	8.3		
352	12060910311	Trần Nguyễn Nam Hoàng	37872	Ô tô3 - K12.CĐ	0		Nợ HP
353	12060910320	Đình Công Khiêm	37952	Ô tô3 - K12.CĐ	7.8		
354	12060910316	Vũ Mạnh Hùng	37828	Ô tô3 - K12.CĐ	8.0		
355	12060910306	Sâm Đăng Dương	37924	Ô tô3 - K12.CĐ	7.8		

PHỔ H

356	12060910405	Nguyễn Tùng Dương	23/10/2003	Ô tô4 - K12.CĐ	7.5		
357	12060910417	Nguyễn Công Quyền	29/03/2003	Ô tô4 - K12.CĐ	8.4		
358	12060910438	Nguyễn Mạnh Cường	02/07/2003	Ô tô4 - K12.CĐ	7.9		
359	12060260137	Đoàn Anh Đức	15/03/2003	Ô tô4 - K12.CĐ	7.5		
360	12060910407	Trịnh Tiến Đông	09/04/2003	Ô tô4 - K12.CĐ	7.8		
361	12060910422	Trần Quốc Toàn	01/12/1999	Ô tô4 - K12.CĐ	8.0		
362	12060910402	Phạm Văn Cường	14/06/2003	Ô tô4 - K12.CĐ	7.8		
363	12060910327	Đinh Văn Tuấn	15/03/2003	Ô tô4 - K12.CĐ	7.8		
364	12060910401	Đinh Trần Nguyên Bảo	19/03/2003	Ô tô4 - K12.CĐ	8.3		
365	12060910423	Nguyễn Công Tú	12/04/2003	Ô tô4 - K12.CĐ	7.8		
366	12060910436	Nguyễn Văn Nga	29/10/2003	Ô tô4 - K12.CĐ	8.3		
367	12060910707	Mai Văn Thao	26/03/1997	Ô tô4 - K12.CĐ	8.5		
368	12060910709	Trần Quang Hiếu	04/03/2003	Ô tô4 - K12.CĐ	7.8		
369	12060910712	Trần Đức Luân	10/08/1999	Ô tô4 - K12.CĐ	9.1		
370	12060910421	Trần Dân Thường	05/04/2003	Ô tô4 - K12.CĐ	8.5		
371	12060910413	Phạm Nam Khánh	01/06/2003	Ô tô4 - K12.CĐ	7.9		
372	12060910443	Phạm Đại Thắng	14/10/2003	Ô tô4 - K12.CĐ	8.0		
373	12060910444	Nguyễn Duy Thành	10/09/2001	Ô tô4 - K12.CĐ	8.1		
374	12060910503	Đoàn Minh Quân	31/10/2002	Ô tô5-K12.CĐ	0		Bỏ BV
375	12060910502	Đoàn Văn Hồng	25/10/2003	Ô tô5-K12.CĐ	7.8		
376	12060910504	Đỗ Thế Hiếu	22/04/2002	Ô tô5-K12.CĐ	7.5		
377	12060910509	Thái Minh Thuyết	28/01/2003	Ô tô5-K12.CĐ	8.5		
378	12060910507	Phạm Quốc Chinh	22/06/2003	Ô tô5-K12.CĐ	7.5		
379	12060910512	Tạ Minh Huy	08/02/2003	Ô tô5-K12.CĐ	7.0		
380	12060910522	Nguyễn Văn Thành	27/12/2003	Ô tô5-K12.CĐ	7.8		
381	12060910523	Lê Xuân Viễn	01/02/2003	Ô tô5-K12.CĐ	7.8		
382	12060910526	Hồ Xuân Lộc	29/03/2003	Ô tô5-K12.CĐ	9.0		
383	12060910524	Đào Xuân Đăng	07/09/2002	Ô tô5-K12.CĐ	7.5		
384	12060910528	Lê Văn Lộc	20/08/2003	Ô tô5-K12.CĐ	8.0		
385	12060910527	Đinh Văn Hiệp	11/01/2003	Ô tô5-K12.CĐ	7.5		
386	12060910534	Trịnh Quốc Cường	14/06/2003	Ô tô5-K12.CĐ	7.8		
387	12060910533	Đoàn Minh Quân	13/12/2003	Ô tô5-K12.CĐ	8.1		
388	12060910530	Lê Hải Đăng	28/11/2002	Ô tô5-K12.CĐ	7.5		
389	12060910532	Nguyễn Khắc Mạnh	28/11/2002	Ô tô5-K12.CĐ	7.5		
390	12060910529	Nguyễn Ngọc Chiến	02/05/2003	Ô tô5-K12.CĐ	7.8		
391	12060910535	Trần Minh Chiến	07/06/2003	Ô tô5-K12.CĐ	8.4		
392	12060910536	Lê Quang Dương	04/01/2003	Ô tô5-K12.CĐ	8.0		
393	12060910511	Đỗ Duy Mạnh	20/04/2003	Ô tô5-K12.CĐ	7.8		
394	12060910525	Đào Văn Hùng	11/06/2003	Ô tô5-K12.CĐ	7.5		
395	12060910505	Nguyễn Tuấn Phong	17/11/2003	Ô tô5-K12.CĐ	8.0		

BẢNG NHÃM

396	12060910515	Đặng Hoàng Minh	29/03/2003	Ô tô5-K12.CĐ	7.5		
397	12060260538	Đặng Quang Minh	22/08/2003	Ô tô5-K12.CĐ	7.5		
398	12060910540	Vũ Tiến Đạt	26/11/2003	Ô tô5-K12.CĐ	7.8		
399	12060260151	Lê Văn Mạnh	16/01/2003	Ô tô5-K12.CĐ	7.0		
400	12060910506	Vũ Nhật Long	16/03/2003	Ô tô5-K12.CĐ	7.5		
401	12060910602	Nguyễn Tiến Hải	04/03/2003	Ô tô6 - K12.CĐ	7.6		
402	12060910601	Lò Phú Đông	09/10/2003	Ô tô6 - K12.CĐ	8.3		
403	12060910604	Nguyễn Văn Tài	28/08/2003	Ô tô6 - K12.CĐ	7.3		
404	12060910615	Nguyễn Hoàng Long	19/10/2003	Ô tô6 - K12.CĐ	7.3		
405	12060910616	Đậu Tam Việt Anh	16/06/2003	Ô tô6 - K12.CĐ	8.1		
406	12060910619	Trần Trung Đăng	16/02/2003	Ô tô6 - K12.CĐ	8.6		
407	12060910625	Vương Trí Chiến	23/02/2001	Ô tô6 - K12.CĐ	8.4		
408	12060910629	Dương Đức Mạnh	07/02/2003	Ô tô6 - K12.CĐ	7.3		
409	12060910630	Nguyễn Sơn Duy	27/10/2003	Ô tô6 - K12.CĐ	8.8		
410	12060910632	Nguyễn Hoàng Kiên	02/07/2003	Ô tô6 - K12.CĐ	7.5		
411	12060910638	Nguyễn Đình Thuật	29/07/2002	Ô tô6 - K12.CĐ	7.5		
412	12060910644	Nguyễn Thị Hồng Nhung	13/10/1985	Ô tô6 - K12.CĐ	8.9		
413	12060910606	Dương Nguyễn Tùng	08/11/2003	Ô tô6 - K12.CĐ	7.5		
414	12060910626	Nguyễn Quang Duy	29/12/2000	Ô tô6 - K12.CĐ	7.6		
415	12060910628	Nguyễn Trung Kiên	12/03/2003	Ô tô6 - K12.CĐ	7.2		
416	12060910624	Phạm Công Hoàng	23/05/2003	Ô tô6 - K12.CĐ	7.5		
417	12060910618	Đặng Chiến Khu	22/01/2003	Ô tô6 - K12.CĐ	7.9		
418	12060910610	Mai Văn Hậu	12/09/2002	Ô tô6 - K12.CĐ	7.0		
419	13130910102	Vũ Tiến Lợi	08/01/2004	Oto1 - K13.CĐLT	8.5		
420	13130900101	Nguyễn Đắc Tuấn	27/01/2004	Oto1-K13.CĐLT	8.3		
421	13130910005	Lê Trần Hiền	19/08/2005	Oto2-K13.CĐLT	8.4		
422	13130910004	Trần Đức Hanh	28/04/2005	Oto2-K13.CĐLT	8.9		
423	13130910001	Nguyễn Bá Trường Anh	09/11/2005	Oto2-K13.CĐLT	8.3		
424	13130910012	Đào Văn Nhất	13/08/2005	Oto2-K13.CĐLT	7.8		
425	13130910019	Nguyễn Hữu Thuận	27/04/2005	Oto2-K13.CĐLT	8.4		
426	13130910003	Nguyễn Văn Dương	30/12/2005	Oto2-K13.CĐLT	8.4		
427	13130910013	Nguyễn Thế Hiếu Phong	07/03/2005	Oto2-K13.CĐLT	7.8		
428	13130910009	Doãn Tiến Mạnh	06/10/2005	Oto2-K13.CĐLT	8.4		
429	13130910016	Đặng Hồng Quân	29/08/2005	Oto2-K13.CĐLT	8.4		
430	13130910011	Nguyễn Tuấn Minh	27/10/2005	Oto2-K13.CĐLT	8.1		
431	13130910014	Nguyễn Văn Phúc	19/11/2005	Oto2-K13.CĐLT	8.1		
432	13130910020	Nguyễn Bá Tiến	20/01/2005	Oto2-K13.CĐLT	8.0		
433	13130910007	Nguyễn Bá Huy	23/02/2005	Oto2-K13.CĐLT	8.3		
434	13130910002	Chu Đắc Điệp	16/01/2005	Oto2-K13.CĐLT	8.0		
435	13130910015	Nguyễn Duy Quân	20/06/2005	Oto2-K13.CĐLT	8.4		

BAN
 TRƯ
 CAO
 Đ
 NG
 HÀ
 *

436	13130910006	Đặng Ngọc Hiệp	31/12/2005	Oto2-K13.CĐLT	8.3		
437	13130910010	Lê Quang Minh	16/08/2005	Oto2-K13.CĐLT	9.1		
438	12060650102	Nguyễn Văn Bách	12/01/2003	QHCC 1 - K12.CĐ	8.9		
439	12060650104	Nguyễn Quang Huy	23/08/2002	QHCC 1 - K12.CĐ	8.9		
440	12060650106	Võ Công Minh	30/03/2003	QHCC 1 - K12.CĐ	9.1		
441	12060620106	Phạm Nhật Thành	13/03/2003	QTDN 1 - K12.CĐ	9.0		
442	12060260149	Đào Quý Tính	07/03/2002	QTDN 1 - K12.CĐ	9.1		
443	12060620106	Phạm Nhật Thành	13/03/2003	QTDN 1 - K12.CĐ	9.0		
444	12060260149	Đào Quý Tính	07/03/2002	QTDN 1 - K12.CĐ	9.1		
445	12060420105	Nguyễn Bá Hưng	15/12/2003	SCMT 1 - K12.CĐ	8.3		
446	12060420104	Đỗ Văn Huy	03/11/2003	SCMT 1 - K12.CĐ	9.0		
447	12060420103	Nguyễn Công Hoan	25/10/2003	SCMT 1 - K12.CĐ	8.6		
448	12060260115	Thái Quang Sơn	09/12/2003	SCMT 1 - K12.CĐ	8.4		
449	12060410102	Nguyễn Huy Chương	17/11/2003	SCMT 1 - K12.CĐ	7.3		
450	12060420106	Trần Trung Phương Kiệt	09/11/2003	SCMT 1 - K12.CĐ	9.0		
451	12060420101	Hoàng Anh Dũng	20/01/2003	SCMT 1 - K12.CĐ	7.3		
452	12060420109	Đỗ Việt Phúc	15/02/2003	SCMT 1 - K12.CĐ	8.0		
453	12060420112	Nguyễn Công Hiếu	28/05/2003	SCMT 1 - K12.CĐ	9.0		
454	12060420113	Nguyễn Văn Khang	03/02/2003	SCMT 1 - K12.CĐ	8.0		
455	12060420116	Nguyễn Văn Thuận	28/04/2003	SCMT 1 - K12.CĐ	8.0		
456	12060420115	Nguyễn Đình Cường	25/09/2003	SCMT 1 - K12.CĐ	8.4		
457	12060420118	Nguyễn Đình Thành	25/01/2002	SCMT 1 - K12.CĐ	8.0		
458	12070410201	Cao Văn Soái	18/10/1997	SCMT 1 - K12.CĐ	7.3		
459	12060420120	Nguyễn Đức Linh	27/07/2003	SCMT 1 - K12.CĐ	7.3		
460	11060230202	Trịnh Dương Đức	17/07/2002	TKĐH - K11.CĐ	7.3		
461	12060230122	Bùi Thị Thảo	03/11/2003	TKĐH 1 - K12.CĐ	8.7		
462	12060260134	Vũ Quang Huy	02/12/2003	TKĐH 1 - K12.CĐ	7.5		
463	12060230105	Tạ Thị Thu Duyên	10/06/2003	TKĐH 1 - K12.CĐ	6.2		
464	12060230118	Dương Hồng Minh	30/12/2003	TKĐH 1 - K12.CĐ	7.0		
465	12060230115	Lê Văn Khoa	27/11/2003	TKĐH 1 - K12.CĐ	7.0		
466	12060230119	Lý Đình Nam	14/08/2003	TKĐH 1 - K12.CĐ	6.7		
467	12060230120	Đặng Quang Nhuận	20/05/2003	TKĐH 1 - K12.CĐ	8.0		
468	12060230107	Bùi Tiến Đạt	19/12/2003	TKĐH 1 - K12.CĐ	7.7		
469	12060230117	Hoàng Xuân Lai	27/05/2003	TKĐH 1 - K12.CĐ	0		Bỏ BV
470	12060230121	Nguyễn Thị Như Quỳnh	05/12/2003	TKĐH 1 - K12.CĐ	7.7		
471	12060230113	Hà Thị Thu Huyền	11/10/2003	TKĐH 1 - K12.CĐ	8.7		
472	12060230123	Khiếu Quang Tiến	09/10/2003	TKĐH 1 - K12.CĐ	8.8		
473	12060910325	Đặng Văn Quý	26/02/2003	TKĐH 1 - K12.CĐ	7.3		
474	12060120111	Nguyễn Tài Hưng	11/08/2003	TKĐH 1 - K12.CĐ	0		Bỏ BV
475	12060230128	Nguyễn Đình Việt	23/10/2003	TKĐH 1 - K12.CĐ	0		Bỏ BV

476	12060230130	Nguyễn Thị Quỳnh	12/11/2003	TKĐH 1 - K12.CĐ	0		Bỏ BV
477	12060260133	Hoàng Thị Thúy Nga	25/04/2002	TKĐH 1 - K12.CĐ	8.0		
478	12060230132	Nguyễn Thế Thành	23/06/2003	TKĐH 1 - K12.CĐ	7.8		
479	12060260139	Lê Nguyễn Phúc Thọ	22/12/2002	TKĐH 1 - K12.CĐ	0		Bỏ BV
480	12060260201	Bùi Thị Thu Thảo	04/04/2003	TKĐH 1 - K12.CĐ	8.7		
481	12060230201	Đoàn Văn Mạnh	16/09/2003	TKĐH 1 - K12.CĐ	0		Bỏ BV
482	12060260212	Phạm Hữu Hưng	11/03/2002	TKĐH 1 - K12.CĐ	6.0		
483	12060230204	Văn Công Hùng	08/10/2003	TKĐH 1 - K12.CĐ	7.3		
484	10060230101	Vũ Tiến Anh	26/02/2001	TKĐH1 - K10.CĐ	0		Bỏ BV
485	10060230104	Lê Huy Du	01/12/2001	TKĐH1 - K10.CĐ	0		Bỏ BV
486	12060640102	Nguyễn Vũ Thành Trung	06/05/2003	TMĐT 1 - K12.CĐ	8.8		
487	12060640103	Lê Thị Thanh Huyền	12/05/2003	TMĐT 1 - K12.CĐ	9.1		
488	11060640104	Trần Thị Duyên	36739	TMĐT1 - K11.CĐ	8.9		
489	12060260207	Trần Xuân Tùng	18/05/2003	UDPM1 - K12.CĐ	8.0		
490	12060260109	Vũ Như Hường	23/06/2003	UDPM1 - K12.CĐ	8.1		
491	12060260114	Chu Lý Quỳnh	06/06/2003	UDPM1 - K12.CĐ	8.3		
492	12060260127	Ngô Quốc Khánh	16/02/2003	UDPM1 - K12.CĐ	8.3		
493	12060260202	Phùng Kim Thông	03/11/2003	UDPM1 - K12.CĐ	9.0		
494	12060260152	Nguyễn Bảo Khánh Hòa	04/10/2003	UDPM1 - K12.CĐ	9.1		
495	12060260214	Lê Hùng Sơn	28/11/1998	UDPM1 - K12.CĐ	9.3		
496	12060910239	Nguyễn Hải Anh	26/05/2003	VTK 1 - K12.CĐ	8.8		
497	12060120221	Đỗ Xuân Tú	05/01/2003	VTK 1 - K12.CĐ	8.8		
498	12060240102	Trịnh Bá Khánh Duy	27/09/2003	Web 1 - K12.CĐ	7.8		
499	12060240109	Tạ Văn Hội	18/06/2000	Web 1 - K12.CĐ	0		Bỏ BV
500	12060240112	Nguyễn Văn Dũng	15/09/2003	Web 1 - K12.CĐ	7.3		
501	12060240120	Bùi Văn Hào	16/12/2003	Web 1 - K12.CĐ	0		Bỏ BV
502	12060240122	Trần Văn Thuận	24/01/2003	Web 1 - K12.CĐ	9.4		
503	12060240123	Đào Đức Hưng	18/09/2003	Web 1 - K12.CĐ	9.0		
504	12060240124	Vũ Ngọc Khánh	21/03/2003	Web 1 - K12.CĐ	0		Bỏ BV
505	12060240125	Trần Thế Duy	06/11/2003	Web 1 - K12.CĐ	7.8		
506	14130810031	Trần Thị Loan	24/08/1998	CSSĐ1 - K14.CĐLT	7.8		

ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP LÝ THUYẾT NGHỀ ĐỢT 1 NĂM 2024
 (Ban hành kèm theo quyết định số 805/QĐ-CĐCNC ngày 27 tháng 5 năm 2024 của
 Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghệ cao Hà Nội)

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm thi	Ghi chú
1	12060120131	Nguyễn Văn Toàn	09/11/2003	CGKL 1 - K12.CĐ	8.5	
2	12060120121	Cao Tiến Mạnh	05/03/2002	CGKL 1 - K12.CĐ	9.0	
3	12060120135	Hoàng Duy Tùng	15/04/2003	CGKL 1 - K12.CĐ	9.0	
4	12060120132	Hoàng Minh Tới	28/12/2002	CGKL 1 - K12.CĐ	7.0	
5	12060610106	Cần Lê Như Quỳnh	21/10/2003	KTDN 1 - K12.CĐ	8.5	
6	12060610107	Kiều Diệp Quỳnh	27/01/2003	KTDN 1 - K12.CĐ	9.5	
7	12060610105	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	19/01/2003	KTDN 1 - K12.CĐ	10.0	
8	12060610104	Phạm Bích Ngọc	14/12/2003	KTDN 1 - K12.CĐ	9.0	
9	12060610108	Vũ Thị Tuyết	25/01/2003	KTDN 1 - K12.CĐ	3.0	
10	12060610101	Nguyễn Hoàng Anh	17/09/2003	KTDN 1 - K12.CĐ	3.5	
11	12060610109	Trần Quỳnh Trang	24/03/2002	KTDN 1 - K12.CĐ	3.5	
12	12060610103	Vũ Thị Huyền	08/04/2003	KTDN 1 - K12.CĐ	9.5	
13	12060610111	Nguyễn Thị Thanh Hoa	04/02/2003	KTDN 1 - K12.CĐ	7.5	
14	12060610112	Nguyễn Lan Hương	24/01/2003	KTDN 1 - K12.CĐ	10.0	
15	12060610113	Vũ Thu Hằng	06/09/2003	KTDN 1 - K12.CĐ	9.5	
16	12060610115	Đình Thị Thảo	03/08/2002	KTDN 1 - K12.CĐ	9.0	
17	12130610102	Phan Thị Cẩm Tú	04/09/2004	KTDN 1 - K12.CĐ	7.5	
18	12130610101	Phùng Ngọc Linh	12/06/2004	KTDN 1 - K12.CĐ	3.0	
19	12070910233	Hà Đình Duy	10/06/2006	Ô tô 2 - K12.CĐ9+	5.0	
20	12070910240	Vũ Trọng Đức Anh	04/01/2006	Ô tô 2 - K12.CĐ9+	5.0	
21	12070910213	Nguyễn Danh Huy	01/07/2006	Ô tô 2 - K12.CĐ9+	6.0	
22	11070120103	Phí Xuân Bắc	25/01/2005	TC.CGKL - K11	0	Vắng thi
23	12070230101	Nguyễn Hà Anh	20/05/2005	TKĐH1 - K12.CĐ9+	5.0	
24	12070230125	Phan Minh Khải	30/05/2006	TKĐH1 - K12.CĐ9+	6.0	
25	12070230117	Bùi Mạnh Toàn	03/05/2006	TKĐH1 - K12.CĐ9+	5.0	
26	12060260121	Nguyễn Đức Toàn	08/09/2003	UDPM1 - K12.CĐ	5.0	
27	12060260124	Lương Văn Vũ	01/09/2002	UDPM1 - K12.CĐ	5.0	
28	12060260105	Đỗ Lê Tiến Đạt	10/07/2003	UDPM1 - K12.CĐ	2.5	
29	12060260108	Chu Thái Hoàng	13/07/2003	UDPM1 - K12.CĐ	6.0	
30	12060260101	Đỗ Quốc Anh	16/08/2003	UDPM1 - K12.CĐ	5.5	
31	12060260104	Nguyễn Văn Đàm	10/03/2003	UDPM1 - K12.CĐ	8.0	
32	12060260125	Nguyễn Quang Hùng	08/09/2003	UDPM1 - K12.CĐ	8.0	

33	12060260131	Đỗ Văn Tiến	02/01/2003	UDPM1 - K12.CĐ	6.5	
34	12060260126	Trịnh Đình Huy	10/04/2003	UDPM1 - K12.CĐ	5.0	
35	12060260132	Khuất Phú Công	06/09/2002	UDPM1 - K12.CĐ	8.0	
36	12060260142	Phạm Ngọc Bình	26/08/2003	UDPM1 - K12.CĐ	6.0	
37	12060260143	Nguyễn Đức Anh	29/12/2003	UDPM1 - K12.CĐ	8.0	
38	12060260144	Phạm Ngọc Tuấn	20/05/2003	UDPM1 - K12.CĐ	5.5	
39	12060260146	Nguyễn Thị Thu Hương	29/01/2003	UDPM1 - K12.CĐ	9.0	
40	12060260205	Nguyễn Tiến Lâm	18/01/2002	UDPM1 - K12.CĐ	9.0	
41	12060260216	Khổng Văn Hiếu	22/05/2003	UDPM1 - K12.CĐ	5.0	
42	12060260208	Vũ Viết Cường	08/07/2003	UDPM1 - K12.CĐ	7.0	





ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP THỰC HÀNH NGHỀ ĐỢT 1 NĂM 2024
(Ban hành kèm theo quyết định số 805/QĐ-CĐCNC ngày 27 tháng 5 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghệ cao Hà Nội)

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm thi	Ghi chú
1	12060120131	Nguyễn Văn Toàn	09/11/2003	CGKL 1 - K12.CĐ	7.5	
2	12060120121	Cao Tiến Mạnh	05/03/2002	CGKL 1 - K12.CĐ	9.0	
3	12060120135	Hoàng Duy Tùng	15/04/2003	CGKL 1 - K12.CĐ	9.0	
4	12060120132	Hoàng Minh Tới	28/12/2002	CGKL 1 - K12.CĐ	8.5	
5	12060610106	Cần Lê Như Quỳnh	21/10/2003	KTDN 1 - K12.CĐ	9.5	
6	12060610107	Kiều Diệp Quỳnh	27/01/2003	KTDN 1 - K12.CĐ	9.0	
7	12060610105	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	19/01/2003	KTDN 1 - K12.CĐ	10.0	
8	12060610104	Phạm Bích Ngọc	14/12/2003	KTDN 1 - K12.CĐ	6.0	
9	12060610108	Vũ Thị Tuyết	25/01/2003	KTDN 1 - K12.CĐ	7.0	
10	12060610101	Nguyễn Hoàng Anh	17/09/2003	KTDN 1 - K12.CĐ	4.5	
11	12060610109	Trần Quỳnh Trang	24/03/2002	KTDN 1 - K12.CĐ	7.0	
12	12060610103	Vũ Thị Huyền	08/04/2003	KTDN 1 - K12.CĐ	10.0	
13	12060610111	Nguyễn Thị Thanh Hoa	04/02/2003	KTDN 1 - K12.CĐ	10.0	
14	12060610112	Nguyễn Lan Hương	24/01/2003	KTDN 1 - K12.CĐ	9.5	
15	12060610113	Vũ Thu Hằng	06/09/2003	KTDN 1 - K12.CĐ	10.0	
16	12060610115	Đình Thị Thảo	03/08/2002	KTDN 1 - K12.CĐ	9.5	
17	12130610102	Phan Thị Cẩm Tú	04/09/2004	KTDN 1 - K12.CĐ	4.5	
18	12130610101	Phùng Ngọc Linh	12/06/2004	KTDN 1 - K12.CĐ	9.0	
19	12070910233	Hà Đình Duy	10/06/2006	Ô tô 2 - K12.CĐ9+	8.0	
20	12070910240	Vũ Trọng Đức Anh	04/01/2006	Ô tô 2 - K12.CĐ9+	8.0	
21	12070910213	Lê Danh Huy	01/07/2006	Ô tô 2 - K12.CĐ9+	8.5	
22	12070230101	Nguyễn Hà Anh	20/05/2005	TKĐH1 - K12.CĐ9+	5.0	
23	12070230125	Phan Minh Khải	30/05/2006	TKĐH1 - K12.CĐ9+	5.0	
24	12070230117	Bùi Mạnh Toàn	03/05/2006	TKĐH1 - K12.CĐ9+	5.5	
25	12060260121	Nguyễn Đức Toàn	08/09/2003	UDPM1 - K12.CĐ	5.0	
26	12060260124	Lương Văn Vũ	01/09/2002	UDPM1 - K12.CĐ	7.0	
27	12060260105	Đỗ Lê Tiến Đạt	10/07/2003	UDPM1 - K12.CĐ	5.0	
28	12060260108	Chu Thái Hoàng	13/07/2003	UDPM1 - K12.CĐ	5.0	
29	12060260101	Đỗ Quốc Anh	16/08/2003	UDPM1 - K12.CĐ	8.5	
30	12060260104	Nguyễn Văn Đàm	10/03/2003	UDPM1 - K12.CĐ	6.0	
31	12060260125	Nguyễn Quang Hùng	08/09/2003	UDPM1 - K12.CĐ	6.0	
32	12060260131	Đỗ Văn Tiến	02/01/2003	UDPM1 - K12.CĐ	6.0	
33	12060260126	Trịnh Đình Huy	10/04/2003	UDPM1 - K12.CĐ	5.5	
34	12060260132	Khuất Phú Công	06/09/2002	UDPM1 - K12.CĐ	9.0	
35	12060260142	Phạm Ngọc Bình	26/08/2003	UDPM1 - K12.CĐ	6.0	
36	12060260143	Nguyễn Đức Anh	29/12/2003	UDPM1 - K12.CĐ	9.0	



37	12060260144	Phạm Ngọc Tuấn	20/05/2003	UDPM1 - K12.CĐ	7.0	
38	12060260146	Nguyễn Thị Thu Hương	29/01/2003	UDPM1 - K12.CĐ	7.0	
39	12060260205	Nguyễn Tiên Lâm	18/01/2002	UDPM1 - K12.CĐ	8.5	
40	12060260216	Khổng Văn Hiếu	22/05/2003	UDPM1 - K12.CĐ	5.5	
41	12060260208	Vũ Viết Cường	08/07/2003	UDPM1 - K12.CĐ	8.5	





DIỂM THI TỐT NGHIỆP CHÍNH TRỊ ĐỢT 1 NĂM 2024

(Ban hành kèm theo quyết định số 805/QĐ-CDCNC ngày 27 tháng 5 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghệ cao Hà Nội)

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm thi	Ghi chú
1	12060160101	Trương Công	Đức	18/12/2003	BTHTTBCK1 - K12.CĐ	8.0	
2	12060160106	Tạ Văn	Nam	19/09/2001	BTHTTBCK1 - K12.CĐ	5.5	
3	12060160104	Nguyễn Văn	Tiến	14/01/2003	BTHTTBCK1 - K12.CĐ	8.0	
4	12060160105	Nguyễn Đình	Trường	28/06/2003	BTHTTBCK1 - K12.CĐ	7.0	
5	12060160103	Nguyễn Đăng	Viễn	09/12/2003	BTHTTBCK1 - K12.CĐ	9.0	
6	11060120107	Bùi Hữu	Hùng	22/03/2001	CĐ.CGKL1 - K11	6.5	
7	11060120130	Đặng Hoàng	Việt	12/11/2002	CĐ.CGKL1 - K11	8.0	
8	11060310124	Ngô Văn	Phú	14/10/2001	CĐ.ĐCN 2 - K11	3.0	
9	11060330110	Hoàng Đăng Hải	Đăng	30/04/2002	CĐ.ML1 - K1	4.0	
10	09060910309	Đình Tiến	Đạt	28/09/2000	CĐ.Ô TÔ 3 - K9	7.0	
11	11060910416	Phạm Vi	Huynh	30/08/1999	CĐ.Ô TÔ 4 - K11	0	Vắng thi
12	11060910419	Phạm Tuấn	Long	30/04/2002	CĐ.Ô TÔ 4 - K11	5.5	
13	11060910401	Bùi Ngọc	Anh	29/01/2002	CĐ.Ô TÔ 4 - K11	5.5	
14	12060910712	Trần Đức	Luân	10/08/1999	CĐ.Ô TÔ 4 - K12	5.0	
15	11060910510	Nguyễn Minh	Hiếu	21/10/2000	CĐ.Ô TÔ 5 - K1	5.0	
16	09060420123	Trần Thanh	Quyết	12/10/2000	CĐ.SCMT - K11	5.0	
17	09060420122	Trần Kim	Nam	20/02/2000	CĐ.SCMT - K9	5.0	
18	12130420103	Trịnh Văn	Đạt	20/08/2004	CĐLT.SCMT - K12	5.0	
19	12060140101	Ngô Quang	Anh	12/12/2001	CĐT 1 - K12.CĐ	5.0	
20	12060140125	Dương Tiến	Anh	06/11/2003	CĐT 1 - K12.CĐ	7.5	
21	12060140130	Bùi Tuấn	Anh	24/01/2003	CĐT 1 - K12.CĐ	6.0	
22	12060140124	Hoàng Tiến	Đạt	17/09/2003	CĐT 1 - K12.CĐ	8.0	
23	12060140104	Từ Minh	Đức	04/09/2003	CĐT 1 - K12.CĐ	3.0	
24	12060140123	Bùi Hoàng	Đức	18/07/2003	CĐT 1 - K12.CĐ	6.0	
25	12060140133	Lê Đức	Duy	30/10/2003	CĐT 1 - K12.CĐ	3.0	
26	12060140102	Trần Nhật	Duyệt	28/12/2003	CĐT 1 - K12.CĐ	6.5	
27	12060140105	Vũ Chí	Hạnh	05/05/2003	CĐT 1 - K12.CĐ	5.0	
28	12060140138	Lê Minh	Hiệp	01/05/2003	CĐT 1 - K12.CĐ	7.0	
29	12060140132	Nguyễn Tài	Hùng	04/06/2003	CĐT 1 - K12.CĐ	9.0	
30	12060140128	Lê Văn	Huy	08/11/2003	CĐT 1 - K12.CĐ	6.5	
31	12060140129	Đặng Thành	Long	10/01/2003	CĐT 1 - K12.CĐ	8.5	
32	12060140110	Nguyễn Tiến	Minh	17/04/2003	CĐT 1 - K12.CĐ	5.5	
33	12060140112	Nguyễn Quang	Nghiệp	27/07/2003	CĐT 1 - K12.CĐ	7.5	
34	12060140134	Nguyễn Văn	Quân	17/11/2003	CĐT 1 - K12.CĐ	7.0	
35	12060140115	Trần Văn	Thiệu	17/11/2003	CĐT 1 - K12.CĐ	6.0	
36	12060140116	Đỗ Xuân	Thịnh	29/04/2003	CĐT 1 - K12.CĐ	5.0	
37	12060140119	Đỗ Xuân	Trường	04/11/2003	CĐT 1 - K12.CĐ	7.0	

38	12060140120	Dương Quang	Vinh	22/03/2003	CĐT 1 - K12.CĐ	7.0	
39	12060140121	Phạm Đình	Vinh	16/02/2003	CĐT 1 - K12.CĐ	9.0	
40	12060140122	Nguyễn Ích	Vinh	04/03/2001	CĐT 1 - K12.CĐ	9.0	
41	12060140106	Phạm Huy	Hoàng	19/09/2003	CĐT 1 - K12.CĐ	9.0	
42	12060140131	Dương Văn	Minh	08/11/2003	CĐT 1 - K12.CĐ	6.5	
43	12060140126	Dương Phan Minh	Tuấn	11/08/2003	CĐT 1 - K12.CĐ	5.0	
44	08060140111	Phạm Văn	Hiệp	28/10/1999	CĐT 2 - K8	6.0	
45	12060120101	Nguyễn Hữu	An	14/12/2003	CGKL 1 - K12.CĐ	7.5	
46	12060120141	Nguyễn Ngọc Bắc	Cường	10/04/2003	CGKL 1 - K12.CĐ	5.0	
47	12060120142	Đỗ Khoa	Dũng	30/08/2003	CGKL 1 - K12.CĐ	6.0	
48	12060120108	Trịnh Minh	Hiếu	30/09/2003	CGKL 1 - K12.CĐ	2.4	
49	12060120109	Đỗ Đình	Hòa	05/10/2003	CGKL 1 - K12.CĐ	8.5	
50	12060120112	Phùng Văn	Hung	02/01/2003	CGKL 1 - K12.CĐ	9.0	
51	12060120110	Dương Thế	Huy	19/08/2003	CGKL 1 - K12.CĐ	6.5	
52	12060120113	Bùi Duy	Khánh	20/10/2003	CGKL 1 - K12.CĐ	5.0	
53	12060120114	Đỗ Thành	Khiêm	06/04/2003	CGKL 1 - K12.CĐ	5.0	
54	12060120117	Nguyễn Duy	Kiên	26/12/2003	CGKL 1 - K12.CĐ	5.0	
55	12060120118	Nguyễn Văn	Lân	02/11/2003	CGKL 1 - K12.CĐ	4.0	
56	12060120120	Nguyễn Bá	Long	27/02/2003	CGKL 1 - K12.CĐ	3.5	
57	12060120119	Đình Trọng	Long	14/11/2003	CGKL 1 - K12.CĐ	5.0	
58	12060120121	Cao Tiến	Mạnh	05/03/2002	CGKL 1 - K12.CĐ	9.5	
59	12060120123	Tạ Hoài	Nam	01/04/2002	CGKL 1 - K12.CĐ	6.0	
60	12060120127	Nguyễn Duy	Quân	30/08/2003	CGKL 1 - K12.CĐ	7.0	
61	12060120126	Phùng Văn	Quang	03/01/2003	CGKL 1 - K12.CĐ	5.0	
62	12060120143	Nguyễn Văn	Quang	13/10/2003	CGKL 1 - K12.CĐ	5.0	
63	12060120129	Nguyễn Văn	Tính	07/01/2003	CGKL 1 - K12.CĐ	6.0	
64	12060120131	Nguyễn Văn	Toàn	09/11/2003	CGKL 1 - K12.CĐ	8.0	
65	12060120132	Hoàng Minh	Tới	28/12/2002	CGKL 1 - K12.CĐ	7.5	
66	12060120135	Hoàng Duy	Tùng	15/04/2003	CGKL 1 - K12.CĐ	9.0	
67	12060120144	Bùi Duy	Văn	28/03/2002	CGKL 1 - K12.CĐ	8.0	
68	12060120138	Phùng Đức	Việt	23/05/2003	CGKL 1 - K12.CĐ	3.5	
69	12060120136	Phí Đình	Xuân	25/03/2003	CGKL 1 - K12.CĐ	6.0	
70	12060180102	Nguyễn Ngọc	Anh	20/11/2003	CGKL2 - K12.CĐ	3.5	
71	12060120207	Lê Xuân	Bắc	16/08/2003	CGKL2 - K12.CĐ	6.0	
72	12060120222	Lê Vũ	Đại	21/09/2002	CGKL2 - K12.CĐ	8.0	
73	12060180112	Sần Văn	Đại	21/04/2003	CGKL2 - K12.CĐ	9.0	
74	12060120223	Bùi Văn	Duy	20/02/2003	CGKL2 - K12.CĐ	9.0	
75	12060120224	Lê Đức	Hiển	21/10/1997	CGKL2 - K12.CĐ	7.0	
76	12060120211	Nguyễn Trung	Hiếu	30/08/2003	CGKL2 - K12.CĐ	3.5	
77	12060120220	Đỗ Đăng	Khoa	21/01/2003	CGKL2 - K12.CĐ	8.0	
78	12060120201	Nguyễn Đức	Nghĩa	06/06/2003	CGKL2 - K12.CĐ	7.0	
79	12060120202	Khương Đình	Quân	17/12/2003	CGKL2 - K12.CĐ	9.5	

80	12060120204	Đỗ Quốc	Thái	09/08/2003	CGKL2 - K12.CĐ	8.5	
81	12060120231	Nguyễn Văn	Thắng	15/01/2003	CGKL2 - K12.CĐ	5.5	
82	12060120217	Nguyễn Duy	Thìn	04/05/2000	CGKL2 - K12.CĐ	7.0	
83	12060120205	Lê Khánh	Toàn	02/08/2003	CGKL2 - K12.CĐ	6.0	
84	12060120206	Ngô Xuân	Trường	16/01/2003	CGKL2 - K12.CĐ	7.5	
85	12060120232	Hoàng Văn	Tuấn	19/08/2003	CGKL2 - K12.CĐ	6.0	
86	12060120208	Đỗ Thanh	Tùng	22/11/2003	CGKL2 - K12.CĐ	8.0	
87	12060120209	Nguyễn Tiến	Học	08/01/2003	CGKL2 - K12.CĐ	7.0	cal sang
88	12060810122	Nguyễn Thị Phương	Anh	09/03/2003	CSSĐ1 - K12.CĐ	7.0	
89	12060810101	Nguyễn Lan	Anh	24/06/2003	CSSĐ1 - K12.CĐ	8.0	
90	12060810102	Nguyễn Thị Hồng	Chúc	01/03/2003	CSSĐ1 - K12.CĐ	7.0	
91	12060810103	Đinh Thị Hương	Giang	09/09/2003	CSSĐ1 - K12.CĐ	9.0	
92	12060810105	Tạ Thị	Hà	24/01/2002	CSSĐ1 - K12.CĐ	7.0	
93	12060810123	Trần Hoàng Bảo	Hân	03/08/2003	CSSĐ1 - K12.CĐ	7.0	
94	12060810128	Bùi Thị	Hằng	06/04/2002	CSSĐ1 - K12.CĐ	7.0	
95	12060810120	Hồ Thị	Hoa	29/04/2003	CSSĐ1 - K12.CĐ	7.5	
96	12060810124	Lương Diệu	Hồng	29/04/2000	CSSĐ1 - K12.CĐ	6.5	
97	12060810127	Nguyễn Thị	Huế	22/02/2003	CSSĐ1 - K12.CĐ	7.5	
98	12060810130	Nguyễn Thị Ngọc	Huệ	22/09/2002	CSSĐ1 - K12.CĐ	8.0	
99	12060810107	Đoàn Thị Lan	Hương	08/02/2003	CSSĐ1 - K12.CĐ	0	Vắng thi
100	12060810134	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	01/12/2003	CSSĐ1 - K12.CĐ	8.0	
101	12060810131	Nguyễn Minh	Thương	02/06/2003	CSSĐ1 - K12.CĐ	5.0	
102	12060810113	Chu Thị Thu	Trang	05/11/2003	CSSĐ1 - K12.CĐ	7.0	
103	12060810129	Hà Huyền	Trang	14/10/2003	CSSĐ1 - K12.CĐ	8.0	
104	12060810114	Trần Thị Hải	Yến	20/02/2001	CSSĐ1 - K12.CĐ	5.0	
105	12060170110	Trần Quang	Duy	12/04/2003	CTKM 1 - K12.CĐ	7.5	
106	12060170112	Dương Công	Hiển	22/11/2003	CTKM 1 - K12.CĐ	7.0	
107	12060170101	Nguyễn Huy	Hoàng	09/10/2003	CTKM 1 - K12.CĐ	8.0	
108	12060170102	Nguyễn Đình	Khoa	25/07/2003	CTKM 1 - K12.CĐ	6.5	
109	12060170104	Trịnh Quang	Son	23/12/2003	CTKM 1 - K12.CĐ	6.0	
110	12060170109	Hà Mạnh	Toàn	21/06/2003	CTKM 1 - K12.CĐ	5.5	
111	12060170106	Đào Văn	Tú	30/08/2003	CTKM 1 - K12.CĐ	5.5	
112	12060180101	Lê Danh Tài	Anh	14/10/2003	CTTBCK 1 - K12.CĐ	5.0	
113	12060180120	Lê Tuấn	Anh	05/04/2003	CTTBCK 1 - K12.CĐ	5.0	
114	12060180121	Lê Thọ	Dũng	03/01/2003	CTTBCK 1 - K12.CĐ	5.5	
115	12060180103	Đỗ Văn	Dương	20/06/2003	CTTBCK 1 - K12.CĐ	5.0	
116	12060180113	Lê Chí	Hiếu	27/11/2003	CTTBCK 1 - K12.CĐ	8.0	
117	12060180128	Nguyễn Thế	Khánh	30/06/2003	CTTBCK 1 - K12.CĐ	5.0	
118	12060180122	Kiều Hoàng	Long	05/02/2003	CTTBCK 1 - K12.CĐ	6.5	
119	12060120124	Nguyễn Văn	Phúc	14/12/2003	CTTBCK 1 - K12.CĐ	7.5	
120	12060180114	Đinh Thanh	Sắc	18/12/2003	CTTBCK 1 - K12.CĐ	5.0	
121	12060180111	Đào Duy	Thăng	28/01/2003	CTTBCK 1 - K12.CĐ	6.5	

164	12060410103	Dương Việt	Cường	19/08/2003	ĐTCN 1 - K12.CĐ	6.0	
165	12060260106	Cao Tiến	Đức	29/01/2003	ĐTCN 1 - K12.CĐ	4.0	
166	12060410112	Phạm Văn	Dũng	24/01/2001	ĐTCN 1 - K12.CĐ	3.5	
167	12060410129	Nguyễn Hoàng	Lâm	07/07/2003	ĐTCN 1 - K12.CĐ	6.5	
168	12060260111	Phan Toàn	Lộc	12/12/2003	ĐTCN 1 - K12.CĐ	6.5	
169	12060310205	Nguyễn Thành	Long	13/02/2003	ĐTCN 1 - K12.CĐ	6.0	
170	12060410105	Lê Xuân	Lực	27/06/2003	ĐTCN 1 - K12.CĐ	8.5	
171	12060410106	Nghiêm Tiến	Mạnh	26/10/2003	ĐTCN 1 - K12.CĐ	8.5	
172	12060410120	Nguyễn Thiên	Minh	24/01/2003	ĐTCN 1 - K12.CĐ	8.0	
173	12060410122	Ngô Quang	Minh	03/02/2003	ĐTCN 1 - K12.CĐ	8.5	
174	12060410125	Bùi Minh	Nguyễn	05/02/2003	ĐTCN 1 - K12.CĐ	7.5	
175	12060410123	Giáp Văn	Phả	20/07/2003	ĐTCN 1 - K12.CĐ	7.5	
176	12060410108	Nguyễn Bá	Quang	16/02/2003	ĐTCN 1 - K12.CĐ	5.0	
177	12060410113	Nguyễn Xuân	Quý	16/09/2003	ĐTCN 1 - K12.CĐ	7.0	
178	12060410118	Phạm Duy	Tân	19/05/1999	ĐTCN 1 - K12.CĐ	6.0	
179	12060410127	Trương Văn	Thắng	15/04/2003	ĐTCN 1 - K12.CĐ	6.5	
180	12060410117	Nguyễn Văn	Tuấn	29/03/2003	ĐTCN 1 - K12.CĐ	7.5	
181	12060410124	Nguyễn Anh	Tuấn	01/08/2003	ĐTCN 1 - K12.CĐ	9.0	
182	12060410128	Nguyễn Văn	Tường	23/08/2003	ĐTCN 1 - K12.CĐ	8.0	
183	12060410110	Nguyễn Công	Xuân	24/04/2003	ĐTCN 1 - K12.CĐ	6.0	
184	11060410123	Lê Xuân	Minh	03/11/2002	ĐTCN 2 - K11.CĐ	5.0	
185	12060180109	Hà Đình	Cương	22/12/2001	Hàn 1 - K12.CĐ	7.0	
186	12060110101	Phạm Minh	Đức	02/10/2003	Hàn 1 - K12.CĐ	6.5	
187	12060110103	Đỗ Thành	Nam	16/12/2003	Hàn 1 - K12.CĐ	5.0	
188	12060610101	Nguyễn Hoàng	Anh	17/09/2003	KTDN 1 - K12.CĐ	7.0	
189	12060610113	Vũ Thu	Hằng	06/09/2003	KTDN 1 - K12.CĐ	9.0	
190	12060610111	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	04/02/2003	KTDN 1 - K12.CĐ	8.0	
191	12060610112	Nguyễn Lan	Hương	24/01/2003	KTDN 1 - K12.CĐ	8.0	
192	12060610103	Vũ Thị	Huyền	08/04/2003	KTDN 1 - K12.CĐ	9.0	
193	12060610104	Phạm Bích	Ngọc	14/12/2003	KTDN 1 - K12.CĐ	9.0	
194	12060610105	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	19/01/2003	KTDN 1 - K12.CĐ	9.0	
195	12060610106	Cần Lê Như	Quỳnh	21/10/2003	KTDN 1 - K12.CĐ	7.5	
196	12060610107	Kiều Diệp	Quỳnh	27/01/2003	KTDN 1 - K12.CĐ	7.0	
197	12060610115	Đinh Thị	Thảo	03/08/2002	KTDN 1 - K12.CĐ	9.0	
198	12060610109	Trần Quỳnh	Trang	24/03/2002	KTDN 1 - K12.CĐ	6.0	
199	12060610108	Vũ Thị	Tuyết	25/01/2003	KTDN 1 - K12.CĐ	8.0	
200	12130610102	Phan Thị Cẩm	Tú	04/09/2004	KTDN 1 - K12.CĐ	3.0	
201	12130610101	Phùng Ngọc	Linh	12/06/2004	KTDN 1 - K12.CĐ	7.5	
202	12060320111	Trịnh Xuân	Chiến	09/05/2003	LĐĐ 1 - K12.CĐ	9.0	
203	12060320112	Trần Quang	Điền	14/06/2003	LĐĐ 1 - K12.CĐ	7.0	
204	12060320113	Nguyễn Xuân	Đính	04/05/2001	LĐĐ 1 - K12.CĐ	7.0	
205	12060320148	Nguyễn Đoàn Hoàng	Hiệp	20/03/2003	LĐĐ 1 - K12.CĐ	5.0	

AN
G
CAO
I
ION

206	12060320103	Trần Văn	Hiệu	18/11/2002	LĐĐ 1 - K12.CĐ	7.0	
207	12060320115	Trịnh Văn	Hình	20/08/2003	LĐĐ 1 - K12.CĐ	6.5	
208	12060320105	Nguyễn Đức	Hùng	09/10/2003	LĐĐ 1 - K12.CĐ	8.0	
209	12060320104	Ngô Văn	Hùng	01/01/2001	LĐĐ 1 - K12.CĐ	8.5	
210	12060320106	Trần Ngọc	Khánh	13/10/2003	LĐĐ 1 - K12.CĐ	5.5	
211	12060320117	Nguyễn Đức	Mạnh	31/01/2003	LĐĐ 1 - K12.CĐ	9.0	
212	12060320107	Nguyễn Thế	Nam	05/10/2000	LĐĐ 1 - K12.CĐ	5.0	
213	12060320118	Nông Hoài	Nam	10/08/2003	LĐĐ 1 - K12.CĐ	6.0	
214	12060320120	Nguyễn Quang	Son	24/06/2000	LĐĐ 1 - K12.CĐ	5.0	
215	12060320144	Nguyễn Hoàng	Son	17/06/2001	LĐĐ 1 - K12.CĐ	7.5	
216	12060320122	Nguyễn Đức	Thắng	28/08/2003	LĐĐ 1 - K12.CĐ	7.0	
217	12060320121	Lê Việt	Thành	04/11/2003	LĐĐ 1 - K12.CĐ	6.5	
218	12060320135	Ngô Văn	Toàn	19/10/2003	LĐĐ 1 - K12.CĐ	6.0	
219	12060320125	Ngô Văn	Trung	16/04/2003	LĐĐ 1 - K12.CĐ	6.5	
220	12060310127	Đình Quang	Trường	15/04/2003	LĐĐ 1 - K12.CĐ	6.5	
221	12060320123	Vũ Anh	Tuấn	11/02/2003	LĐĐ 1 - K12.CĐ	8.0	
222	12060320126	Trần Văn	Vương	24/04/2003	LĐĐ 1 - K12.CĐ	8.0	
223	12060320146	Nguyễn Hữu	Thế	21/10/2023	LDD 2 - K12. CĐ	5.0	
224	12060320139	Nguyễn Quang	An	10/02/2003	LĐĐ 2 - K12.CĐ	8.0	
225	12060320101	Đỗ Tuấn	Anh	03/10/2003	LĐĐ 2 - K12.CĐ	8.0	
226	12060320136	Chu Đình Nam	Anh	02/11/2003	LĐĐ 2 - K12.CĐ	6.5	
227	12060320128	Chu Xuân	Chính	25/05/2003	LĐĐ 2 - K12.CĐ	5.0	
228	12060320142	Vi Văn	Chuyên	21/09/2003	LĐĐ 2 - K12.CĐ	5.0	
229	12060320143	Hoàng Xuân	Đạt	13/02/2003	LĐĐ 2 - K12.CĐ	8.0	
230	12060910408	Kiều Đức	Giang	05/09/2003	LĐĐ 2 - K12.CĐ	8.0	
231	12060320114	Hoàng Văn	Hung	07/03/2003	LĐĐ 2 - K12.CĐ	8.0	
232	12060320116	Bùi Quang	Huy	09/10/2002	LĐĐ 2 - K12.CĐ	7.0	
233	12060320129	Phí Công	Huyền	17/07/2003	LĐĐ 2 - K12.CĐ	8.0	
234	12060320130	Nguyễn Tiến	Quang	13/02/2003	LĐĐ 2 - K12.CĐ	6.0	
235	12060320108	Nguyễn Hồng	Son	17/12/2003	LĐĐ 2 - K12.CĐ	6.0	
236	12060320124	Bùi Văn	Tuấn	27/08/2003	LĐĐ 2 - K12.CĐ	9.5	
237	12060320137	Kiều Xuân	Tùng	18/08/2003	LĐĐ 2 - K12.CĐ	9.0	
238	12060320140	Đặng Hoài	Vũ	27/01/2003	LĐĐ 2 - K12.CĐ	5.5	
239	12060330104	Dương Trịnh	Cảnh	11/02/2003	ML 1 - K12.CĐ	5.0	
240	12060330139	Nguyễn Quốc	Chiến	25/09/2003	ML 1 - K12.CĐ	5.0	
241	12060330108	Nguyễn Văn	Đạt	20/08/2002	ML 1 - K12.CĐ	8.0	
242	12060330109	Nguyễn Văn	Đông	27/11/2003	ML 1 - K12.CĐ	8.0	
243	12060330114	Nguyễn Văn	Khuyến	15/12/2003	ML 1 - K12.CĐ	7.0	
244	12060330117	Nguyễn Văn	Nam	06/08/2003	ML 1 - K12.CĐ	6.0	
245	12060330121	Nguyễn Công	Sang	20/11/2003	ML 1 - K12.CĐ	8.0	
246	12060330122	Cảnh Chi	Sáng	14/07/2003	ML 1 - K12.CĐ	0	Vắng thi
247	12060330138	Cao Phú	Son	18/12/2003	ML 1 - K12.CĐ	2.5	

248	12060330145	Vũ Ngọc	Tân	28/07/2001	ML 1 - K12.CĐ	5.0	
249	12060330124	Quách Hữu	Thương	15/08/2002	ML 1 - K12.CĐ	7.0	
250	12060330128	Nguyễn Thịnh	Trọng	30/10/2003	ML 1 - K12.CĐ	7.0	
251	12060330130	Phùng Văn	Trung	04/02/2003	ML 1 - K12.CĐ	7.0	
252	12060330127	Dương Anh	Tú	25/07/2003	ML 1 - K12.CĐ	6.5	
253	12060330125	Nguyễn Đắc	Tuấn	06/03/2003	ML 1 - K12.CĐ	8.0	
254	12060330132	Khuất Hữu	Văn	25/01/2003	ML 1 - K12.CĐ	8.0	
255	12060330133	Nguyễn Quốc	Việt	11/10/1999	ML 1 - K12.CĐ	8.0	
256	12060330102	Đoàn Hoàng	Anh	28/02/2003	ML2 - K12.CĐ	5.0	
257	12060310207	Hoàng Việt	Anh	28/10/2003	ML2 - K12.CĐ	5.5	
258	12060330106	Đặng Tiến	Đạt	08/12/2003	ML2 - K12.CĐ	8.0	
259	12060330206	Nguyễn Cao	Dũng	15/11/2003	ML2 - K12.CĐ	7.0	
260	12060330216	Đình Tiến	Dương	09/12/2003	ML2 - K12.CĐ	2.5	
261	12060330143	Phạm Hà	Duy	29/06/2003	ML2 - K12.CĐ	6.0	
262	12060330202	Trần Minh	Hiếu	02/06/2003	ML2 - K12.CĐ	9.0	
263	12060330112	Nguyễn Huy	Hoàng	14/08/2003	ML2 - K12.CĐ	7.0	
264	12060330212	Đình Việt	Hoàng	10/09/2003	ML2 - K12.CĐ	6.5	
265	12060330207	Ngô Công	Hội	30/04/2002	ML2 - K12.CĐ	5.0	
266	12060330203	Nguyễn Huy	Hùng	28/05/2003	ML2 - K12.CĐ	8.0	
267	12060330113	Đỗ Hữu	Hung	22/09/2002	ML2 - K12.CĐ	6.5	
268	12060330210	Lê Văn	Hung	26/12/2003	ML2 - K12.CĐ	5.0	
269	12060330137	Nguyễn Hồng	Son	03/07/2003	ML2 - K12.CĐ	5.0	
270	12060330201	Nguyễn Đình	Thái	15/03/2003	ML2 - K12.CĐ	8.5	
271	12060330204	Phạm Văn	Thắng	11/12/2002	ML2 - K12.CĐ	8.5	
272	12060330140	Nguyễn Đắc	Thế	21/10/2003	ML2 - K12.CĐ	0	Vắng thi
273	12060330209	Nguyễn Văn	Thực	08/11/2003	ML2 - K12.CĐ	6.0	
274	12060330141	Hà Văn	Tuấn	07/11/2003	ML2 - K12.CĐ	6.0	
275	12060910639	Nguyễn Văn	Trường	27/03/2002	ML2 - K12.CĐ	6.0	
276	12060770107	Trần Thị	Hằng	25/04/2003	NN Hàn 1 - K12.CĐ	7.5	
277	12060770109	Lâm Ngọc	Hoàng	19/02/2003	NN Hàn 1 - K12.CĐ	6.0	
278	12060770104	Thao Thị	Li	15/08/2003	NN Hàn 1 - K12.CĐ	8.0	
279	12060770105	Nguyễn Thị Thúy	Nga	15/12/2002	NN Hàn 1 - K12.CĐ	6.5	
280	12060770108	Nguyễn Thanh	Thảo	26/08/2003	NN Hàn 1 - K12.CĐ	8.5	
281	12060770110	Bùi Thị Minh	Thư	10/10/2003	NN Hàn 1 - K12.CĐ	6.0	
282	12060770106	Trần Thu	Trang	21/12/2003	NN Hàn 1 - K12.CĐ	6.5	
283	12060760102	Trần Quang	Huy	24/09/2002	NNA 1 - K12.CĐ	5.0	
284	12060760101	Phạm Ngọc	Lan	27/09/2003	NNA 1 - K12.CĐ	5.0	
285	12130910116	Đặng Tuấn	Minh	25/03/2004	Ô Tô 1-K12.CĐLT	8.0	
286	12070910238	Hà Quang	Trung	10/02/2004	Ô TÔ 2 - K12.CĐ9+	7.0	
287	12070910233	Hà Đình	Duy	10/06/2006	Ô tô 2 - K12.CĐ9+	6.5	
288	12070910240	Vũ Trọng Đức	Anh	04/01/2006	Ô tô 2 - K12.CĐ9+	6.5	
289	12070910213	Nguyễn Danh	Huy	01/07/2006	Ô tô 2 - K12.CĐ9+	6.5	

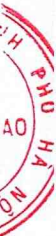
DAN
 TR
 CAI
 ONG
 H
 10

290	12060910308	Bạch Minh	Hiếu	18/02/1998	Ô tô 3- K12. CĐ	5.0	
291	12060910311	Trần Nguyễn Nam	Hoàng	08/09/2003	Ô tô 3- K12. CĐ	6.0	
292	12060910320	Đình Công	Khiêm	27/11/2003	Ô tô 3- K12. CĐ	7.5	
293	12060910316	Vũ Mạnh	Hùng	16/07/2003	Ô tô 3- K12. CĐ	5.0	
294	2060910306	Sầm Đăng	Dương	30/10/2003	Ô tô 3- K12. CĐ	6.5	
295		Phạm Vi	Huỳnh	30/08/1999	ô tô 4 - K11. CĐ	8.5	
296	12060910413	Phạm Nam	Khánh	01/06/2003	Ô tô 4 - K12. CĐ	7.5	
297		Lê Văn	Mạnh	16/01/2003	ô tô 5 - K12. CĐ	6.0	
298	12060910628	Nguyễn Trung	Kiên	12/03/2003	ô tô 6 - K12. CĐ	6.0	
299	11130910107	Khuất Gia	Huy	09/09/2003	Ô tô1 - K11.CĐLT	0	Vắng thi
300	12060910102	Nguyễn Thế	An	18/03/2003	Ô tô1 - K12.CĐ	7.5	
301	12060910103	Nguyễn Việt	Anh	09/06/2003	Ô tô1 - K12.CĐ	8.5	
302	12060910105	Vũ Văn	Cảnh	13/02/2003	Ô tô1 - K12.CĐ	7.0	
303	12060910104	Đỗ Đức	Cảnh	19/08/2003	Ô tô1 - K12.CĐ	6.5	
304	12060910110	Nguyễn Gia	Đại	21/07/2002	Ô tô1 - K12.CĐ	4.0	
305	12060910109	Nguyễn Văn	Đáng	23/11/2002	Ô tô1 - K12.CĐ	5.5	
306	12060910111	Phạm Thành	Đạt	19/08/2003	Ô tô1 - K12.CĐ	7.0	
307	12060910112	Hoàng Minh	Đoàn	18/08/2003	Ô tô1 - K12.CĐ	7.0	
308	12060910113	Nguyễn Văn	Đức	22/05/2003	Ô tô1 - K12.CĐ	3.5	
309	12060910108	Phan Bình	Dương	03/06/2003	Ô tô1 - K12.CĐ	3.0	
310	12060910114	Phạm Văn	Hải	09/04/2003	Ô tô1 - K12.CĐ	8.0	
311	12060910117	Lê Quốc	Hùng	22/01/2003	Ô tô1 - K12.CĐ	5.5	
312	12060910118	Phạm Đức	Hùng	17/07/2001	Ô tô1 - K12.CĐ	5.0	
313	12060910116	Cò Quang	Huy	26/06/2003	Ô tô1 - K12.CĐ	9.0	
314	12060910122	Nguyễn Hải	Long	29/08/2003	Ô tô1 - K12.CĐ	9.5	
315	12060910123	Nguyễn Văn	Nghiên	05/01/2003	Ô tô1 - K12.CĐ	5.5	
316	12060910124	Nguyễn Công	Phú	18/05/2003	Ô tô1 - K12.CĐ	8.0	
317	12060910125	Nguyễn Văn	Phương	09/10/2002	Ô tô1 - K12.CĐ	7.0	
318	12060910128	Hà Minh	Quân	14/09/2003	Ô tô1 - K12.CĐ	5.5	
319	12060910129	Ngô Văn	Quyết	26/08/2003	Ô tô1 - K12.CĐ	8.0	
320	12060910130	Nguyễn Văn	Tấn	16/12/2003	Ô tô1 - K12.CĐ	7.0	
321	12060910131	Trương Trọng	Thế	19/08/2003	Ô tô1 - K12.CĐ	10.0	
322	12060910232	Vũ Anh	Tuấn	07/07/2003	Ô tô1 - K12.CĐ	7.0	
323	12060910132	Lê Thanh	Tùng	17/02/2003	Ô tô1 - K12.CĐ	7.0	
324	12060910135	Cao Xuân	Vị	29/10/2003	Ô tô1 - K12.CĐ	9.0	
325	12060910134	Lê Quang	Vinh	28/08/2003	Ô tô1 - K12.CĐ	7.5	
326	12060910201	Hoàng Đức	Anh	06/08/2003	Ô tô2 - K12.CĐ	9.0	
327	12060910250	Tạ Tiểu	Bảo	01/09/2003	Ô tô2 - K12.CĐ	8.0	
328	12060910253	Nguyễn Đức	Duy	07/04/2003	Ô tô2 - K12.CĐ	7.0	
329	12060910241	Nguyễn Minh	Hạnh	18/07/2003	Ô tô2 - K12.CĐ	6.5	
330	12060910210	Nguyễn Thịnh	Hào	04/08/2003	Ô tô2 - K12.CĐ	5.5	
331	12060910242	Đoàn Văn	Hợp	19/09/2003	Ô tô2 - K12.CĐ	5.0	

THA
 ĐẢNG
 DÂN
 NGHỆ
 AN
 NỘ
 *

✓

332	12060910251	Dương Trung	Hung	31/12/2002	Ô tô2 - K12.CĐ	8.0	
333	12060910412	Lê Văn	Hung	16/02/2003	Ô tô2 - K12.CĐ	0	Vắng thi
334	12060910215	Nguyễn Tất	Kiên	18/01/2003	Ô tô2 - K12.CĐ	9.0	
335	12060910216	Nguyễn Hữu	Long	13/11/2003	Ô tô2 - K12.CĐ	0	Vắng thi
336	12060910218	Nguyễn Trung	Lương	29/05/2003	Ô tô2 - K12.CĐ	8.5	
337	12060910248	Trần Hải	Nhân	17/08/2003	Ô tô2 - K12.CĐ	8.0	
338	12060910223	Lê Hồng	Quân	05/06/2003	Ô tô2 - K12.CĐ	7.0	
339	12060910224	Nguyễn Tiến	Quỳnh	29/07/2003	Ô tô2 - K12.CĐ	8.5	
340	12060910244	Cao Văn	Siêu	13/09/2003	Ô tô2 - K12.CĐ	7.0	
341	12060910225	Nguyễn Bá Thanh	Sơn	14/04/2003	Ô tô2 - K12.CĐ	5.0	
342	12060910252	Lê Mạnh	Thắng	08/01/2003	Ô tô2 - K12.CĐ	7.0	
343	12060910238	Đỗ Đức	Thuận	19/06/2003	Ô tô2 - K12.CĐ	8.0	
344	12060910255	Bùi Đức	Việt	02/01/2002	Ô tô2 - K12.CĐ	8.0	
345	12060910217	Trần Long	Vũ	07/08/2003	Ô tô2 - K12.CĐ	6.0	
346	12060910301	Nguyễn Thế	Anh	12/07/2003	Ô tô3 - K12.CĐ	5.0	
347	12060910303	Nguyễn Quý	Bình	23/07/2003	Ô tô3 - K12.CĐ	5.0	
348	12060910203	Vũ Đình	Chiến	31/03/2003	Ô tô3 - K12.CĐ	5.5	
349	12060910307	Lê Quang	Đạt	17/02/2002	Ô tô3 - K12.CĐ	7.5	
350	12060910245	Đoàn Anh	Đức	07/07/2003	Ô tô3 - K12.CĐ	9.5	
351	12060910304	Phan Minh	Dũng	16/09/2003	Ô tô3 - K12.CĐ	5.0	
352	12060910309	Nguyễn Hưng	Hoan	07/05/2003	Ô tô3 - K12.CĐ	8.0	
353	12060910314	Đoàn Việt	Hùng	16/06/2003	Ô tô3 - K12.CĐ	7.5	
354	12060910315	Màn Anh	Hùng	20/02/2003	Ô tô3 - K12.CĐ	5.5	
355	12060910319	Trần Duy	Khánh	14/10/2003	Ô tô3 - K12.CĐ	6.5	
356	12060910318	Nguyễn Ngọc	Khánh	25/05/2003	Ô tô3 - K12.CĐ	6.0	
357	12060910321	Nguyễn Xuân	Lộc	18/02/2003	Ô tô3 - K12.CĐ	8.0	
358	12060910322	Cao Ngọc	Minh	17/10/2003	Ô tô3 - K12.CĐ	6.5	
359	12060910323	Nguyễn Văn	Nam	03/07/2003	Ô tô3 - K12.CĐ	8.5	
360	12060910339	Hà Ngọc	Phương	13/03/2003	Ô tô3 - K12.CĐ	9.0	
361	12060910326	Lê Ngọc	Thiện	22/03/2003	Ô tô3 - K12.CĐ	8.0	
362	12060910330	Vũ Trung	Tú	13/08/2003	Ô tô3 - K12.CĐ	7.0	
363	12060910329	Trần Anh	Tú	28/10/2003	Ô tô3 - K12.CĐ	6.0	
364	12060910334	Đình Thái	Việt	18/09/2003	Ô tô3 - K12.CĐ	9.0	
365	12060910401	Đình Trần Nguyên	Bảo	19/03/2003	Ô tô4 - K12.CĐ	9.0	
366	12060910438	Nguyễn Mạnh	Cường	02/07/2003	Ô tô4 - K12.CĐ	6.5	
367	12060910402	Phạm Văn	Cường	14/06/2003	Ô tô4 - K12.CĐ	3.5	
368	12060910407	Trịnh Tiến	Đông	09/04/2003	Ô tô4 - K12.CĐ	5.5	
369	12060260137	Đoàn Anh	Đức	15/03/2003	Ô tô4 - K12.CĐ	7.5	
370	12060910405	Nguyễn Tùng	Dương	23/10/2003	Ô tô4 - K12.CĐ	5.0	
371	12060910709	Trần Quang	Hiếu	04/03/2003	Ô tô4 - K12.CĐ	7.5	
372	12060910436	Nguyễn Văn	Nga	29/10/2003	Ô tô4 - K12.CĐ	6.0	
373	12060910417	Nguyễn Công	Quyền	29/03/2003	Ô tô4 - K12.CĐ	7.0	



374	12060910707	Mai Văn	Thao	26/03/1997	Ô tô4 - K12.CĐ	6.0	
375	12060910422	Trần Quốc	Toàn	01/12/1999	Ô tô4 - K12.CĐ	6.0	
376	12060910423	Nguyễn Công	Tú	12/04/2003	Ô tô4 - K12.CĐ	8.0	
377	12060910327	Đình Văn	Tuấn	15/03/2003	Ô tô4 - K12.CĐ	9.0	
378	12060910421	Trần Dân	Thường	05/04/2003	Ô tô4 - K12.CĐ	5.0	
379	12060910443	Phạm Đại	Thắng	14/10/2003	Ô tô4 - K12.CĐ	5.5	
380	12060910444	Nguyễn Duy	Thành	10/09/2001	Ô tô4 - K12.CĐ	5.0	
381	12060910529	Nguyễn Ngọc	Chiến	02/05/2003	Ô tô5-K12.CĐ	8.5	
382	12060910535	Trần Minh	Chiến	07/06/2003	Ô tô5-K12.CĐ	8.0	
383	12060910507	Phạm Quốc	Chinh	22/06/2003	Ô tô5-K12.CĐ	5.5	
384	12060910534	Trịnh Quốc	Cường	14/06/2003	Ô tô5-K12.CĐ	3.5	
385	12060910524	Đào Xuân	Đăng	07/09/2002	Ô tô5-K12.CĐ	5.0	
386	12060910530	Lê Hải	Đăng	28/11/2002	Ô tô5-K12.CĐ	5.0	
387	12060910536	Lê Quang	Dương	04/01/2003	Ô tô5-K12.CĐ	6.5	
388	12060910527	Đình Văn	Hiệp	11/01/2003	Ô tô5-K12.CĐ	5.0	
389	12060910504	Đỗ Thế	Hiếu	22/04/2002	Ô tô5-K12.CĐ	5.0	
390	12060910502	Đoàn Văn	Hồng	25/10/2003	Ô tô5-K12.CĐ	6.0	
391	12060910512	Tạ Minh	Huy	08/02/2003	Ô tô5-K12.CĐ	7.0	
392	12060910526	Hồ Xuân	Lộc	29/03/2003	Ô tô5-K12.CĐ	5.0	
393	12060910528	Lê Văn	Lộc	20/08/2003	Ô tô5-K12.CĐ	6.5	
394	12060910506	Vũ Nhật	Long	16/03/2003	Ô tô5-K12.CĐ	5.0	
395	12060910532	Nguyễn Khắc	Mạnh	28/11/2002	Ô tô5-K12.CĐ	6.5	
396	12060910511	Đỗ Duy	Mạnh	20/04/2003	Ô tô5-K12.CĐ	6.0	
397	12060910503	Đoàn Minh	Quân	31/10/2002	Ô tô5-K12.CĐ	0	Vắng thi
398	12060910533	Đoàn Minh	Quân	13/12/2003	Ô tô5-K12.CĐ	7.0	
399	12060910522	Nguyễn Văn	Thành	27/12/2003	Ô tô5-K12.CĐ	6.0	
400	12060910509	Thái Minh	Thuyết	28/01/2003	Ô tô5-K12.CĐ	6.0	
401	12060910523	Lê Xuân	Viễn	01/02/2003	Ô tô5-K12.CĐ	6.5	
402	12060910525	Đào Văn	Hùng	11/06/2003	Ô tô5-K12.CĐ	5.5	
403	12060910505	Nguyễn Tuấn	Phong	17/11/2003	Ô tô5-K12.CĐ	6.0	
404	12060910515	Đặng Hoàng	Minh	29/03/2003	Ô tô5-K12.CĐ	7.0	
405	12060260538	Đặng Quang	Minh	22/08/2003	Ô tô5-K12.CĐ	7.5	
406	12060910540	Vũ Tiến	Đạt	26/11/2003	Ô tô5-K12.CĐ	7.5	
407	12060910616	Đậu Tam Việt	Anh	16/06/2003	Ô tô6 - K12.CĐ	7.0	
408	12060910625	Vương Trí	Chiến	23/02/2001	Ô tô6 - K12.CĐ	8.0	
409	12060910619	Trần Trung	Đăng	16/02/2003	Ô tô6 - K12.CĐ	7.0	
410	12060910601	Lò Phú	Đông	09/10/2003	Ô tô6 - K12.CĐ	5.0	
411	12060910630	Nguyễn Sơn	Duy	27/10/2003	Ô tô6 - K12.CĐ	7.0	
412	12060910602	Nguyễn Tiến	Hải	04/03/2003	Ô tô6 - K12.CĐ	5.0	
413	12060910610	Mai Văn	Hậu	12/09/2002	Ô tô6 - K12.CĐ	8.0	
414	12060910632	Nguyễn Hoàng	Kiên	02/07/2003	Ô tô6 - K12.CĐ	6.5	
415	12060910615	Nguyễn Hoàng	Long	19/10/2003	Ô tô6 - K12.CĐ	5.0	

416	12060910629	Dương Đức	Mạnh	07/02/2003	Ô tô6 - K12.CĐ	6.0	
417	12060910644	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	13/10/1985	Ô tô6 - K12.CĐ	9.0	
418	12060910604	Nguyễn Văn	Tài	28/08/2003	Ô tô6 - K12.CĐ	5.0	
419	12060910638	Nguyễn Đình	Thuật	29/07/2002	Ô tô6 - K12.CĐ	7.0	
420	2060910606	Dương Nguyễn	Tùng	08/11/2003	Ô tô6 - K12.CĐ	6.0	
421	12060910626	Nguyễn Quang	Duy	29/12/2000	Ô tô6 - K12.CĐ	5.5	
422	2060910624	Phạm Công	Hoàng	23/05/2003	Ô tô6 - K12.CĐ	5.0	
423	12060910618	Đặng Chiến	Khu	22/01/2003	Ô tô6 - K12.CĐ	5.5	
424	12060650102	Nguyễn Văn	Bách	12/01/2003	QHCC 1 - K12.CĐ	7.0	
425	12060650104	Nguyễn Quang	Huy	23/08/2002	QHCC 1 - K12.CĐ	8.0	
426	12060650106	Võ Công	Minh	30/03/2003	QHCC 1 - K12.CĐ	7.0	
427	12060620106	Phạm Nhật	Thành	13/03/2003	QTDN 1 - K12.CĐ	8.0	
428	12060260149	Đào Quý	Tính	07/03/2002	QTDN 1 - K12.CĐ	5.0	
429	12060410102	Nguyễn Huy	Chuông	17/11/2003	SCMT 1 - K12.CĐ	5.0	
430	12060420115	Nguyễn Đình	Cường	25/09/2003	SCMT 1 - K12.CĐ	8.0	
431	12060420101	Hoàng Anh	Dũng	20/01/2003	SCMT 1 - K12.CĐ	5.5	
432	12060420112	Nguyễn Công	Hiếu	28/05/2003	SCMT 1 - K12.CĐ	6.0	
433	12060420103	Nguyễn Công	Hoan	25/10/2003	SCMT 1 - K12.CĐ	7.2	
434	12060420105	Nguyễn Bá	Hung	15/12/2003	SCMT 1 - K12.CĐ	6.0	
435	12060420104	Đỗ Văn	Huy	03/11/2003	SCMT 1 - K12.CĐ	7.0	
436	12060420113	Nguyễn Văn	Khang	03/02/2003	SCMT 1 - K12.CĐ	5.0	
437	12060420106	Trần Trung Phương	Kiệt	09/11/2003	SCMT 1 - K12.CĐ	6.0	
438	12060420120	Nguyễn Đức	Linh	27/07/2003	SCMT 1 - K12.CĐ	5.5	
439	12060420109	Đỗ Việt	Phúc	15/02/2003	SCMT 1 - K12.CĐ	6.5	
440	12070410201	Cao Văn	Soái	18/10/1997	SCMT 1 - K12.CĐ	5.5	
441	12060260115	Thái Quang	Son	09/12/2003	SCMT 1 - K12.CĐ	5.0	
442	12060420118	Nguyễn Đình	Thành	25/01/2002	SCMT 1 - K12.CĐ	8.0	
443	12060420116	Nguyễn Văn	Thuận	28/04/2003	SCMT 1 - K12.CĐ	7.0	
444	11070120103	Phí Xuân	Bắc	25/01/2005	TC.CGKL - K11	0	Vắng thi
445	11060230202	Trịnh Dương	Đức	17/07/2002	TKĐH - K11.CĐ	5.5	
446	12060230107	Bùi Tiến	Đạt	19/12/2003	TKĐH 1 - K12.CĐ	6.5	
447	12060230105	Tạ Thị Thu	Duyên	10/06/2003	TKĐH 1 - K12.CĐ	6.0	
448	12060230204	Văn Công	Hùng	08/10/2003	TKĐH 1 - K12.CĐ	9.5	
449	12060120111	Nguyễn Tài	Hung	11/08/2003	TKĐH 1 - K12.CĐ	5.0	
450	12060260212	Phạm Hữu	Hung	11/03/2002	TKĐH 1 - K12.CĐ	5.0	
451	12060260134	Vũ Quang	Huy	02/12/2003	TKĐH 1 - K12.CĐ	9.0	
452	12060230113	Hà Thị Thu	Huyền	11/10/2003	TKĐH 1 - K12.CĐ	8.5	
453	12060230115	Lê Văn	Khoa	27/11/2003	TKĐH 1 - K12.CĐ	8.0	
454	12060230117	Hoàng Xuân	Lai	27/05/2003	TKĐH 1 - K12.CĐ	0	Vắng thi
455	12060230201	Đoàn Văn	Mạnh	16/09/2003	TKĐH 1 - K12.CĐ	6.0	
456	12060230118	Dương Hồng	Minh	30/12/2003	TKĐH 1 - K12.CĐ	6.0	
457	12060230119	Lý Đình	Nam	14/08/2003	TKĐH 1 - K12.CĐ	6.0	

DANH
TH
CA
ÔNG
H
10

458	12060260133	Hoàng Thị Thúy	Nga	25/04/2002	TKĐH 1 - K12.CĐ	6.5	
459	12060230120	Đặng Quang	Nhuận	20/05/2003	TKĐH 1 - K12.CĐ	6.5	
460	12060910325	Đặng Văn	Quý	26/02/2003	TKĐH 1 - K12.CĐ	6.0	
461	12060230121	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	05/12/2003	TKĐH 1 - K12.CĐ	8.0	
462	12060230130	Nguyễn Thị	Quỳnh	12/11/2003	TKĐH 1 - K12.CĐ	8.0	
463	12060230132	Nguyễn Thế	Thành	23/06/2003	TKĐH 1 - K12.CĐ	5.5	
464	12060230122	Bùi Thị	Thảo	03/11/2003	TKĐH 1 - K12.CĐ	7.0	
465	12060260201	Bùi Thị Thu	Thảo	04/04/2003	TKĐH 1 - K12.CĐ	7.5	
466	12060260139	Lê Nguyễn Phúc	Thọ	22/12/2002	TKĐH 1 - K12.CĐ	0	Vắng thi
467	12060230123	Khiếu Quang	Tiến	09/10/2003	TKĐH 1 - K12.CĐ	7.0	
468	12060230128	Nguyễn Đình	Việt	23/10/2003	TKĐH 1 - K12.CĐ	5.0	
469	10060230101	Vũ Tiến	Anh	26/02/2001	TKĐH1 - K10.CĐ	8.0	
470	12070230101	Nguyễn Hà	Anh	20/05/2005	TKĐH1 - K12.CĐ9+	7.5	
471	12070230125	Phan Minh	Khải	30/05/2006	TKĐH1 - K12.CĐ9+	9.0	
472	12070230117	Bùi Mạnh	Toàn	03/05/2006	TKĐH1 - K12.CĐ9+	5.5	
473	11060640104	Trần Thị	Duyên	01/08/2000	TMĐH - K11. CĐ	7.0	
474	12060640103	Lê Thị Thanh	Huyền	12/05/2003	TMĐT 1 - K12.CĐ	9.0	
475	12060640102	Nguyễn Vũ Thành	Trung	06/05/2003	TMĐT 1 - K12.CĐ	5.5	
476	12060260101	Đỗ Quốc	Anh	16/08/2003	UDPM1 - K12.CĐ	6.5	
477	12060260143	Nguyễn Đức	Anh	29/12/2003	UDPM1 - K12.CĐ	9.0	
478	12060260142	Phạm Ngọc	Bình	26/08/2003	UDPM1 - K12.CĐ	7.5	
479	12060260132	Khuất Phú	Công	06/09/2002	UDPM1 - K12.CĐ	9.0	
480	12060260208	Vũ Việt	Cường	08/07/2003	UDPM1 - K12.CĐ	7.0	
481	12060260104	Nguyễn Văn	Đàm	10/03/2003	UDPM1 - K12.CĐ	5.0	
482	12060260105	Đỗ Lê Tiến	Đạt	10/07/2003	UDPM1 - K12.CĐ	6.5	
483	12060260216	Khổng Văn	Hiếu	22/05/2003	UDPM1 - K12.CĐ	7.5	
484	12060260152	Nguyễn Bảo Khánh	Hòa	04/10/2003	UDPM1 - K12.CĐ	9.0	
485	12060260108	Chu Thái	Hoàng	13/07/2003	UDPM1 - K12.CĐ	5.0	
486	12060260125	Nguyễn Quang	Hùng	08/09/2003	UDPM1 - K12.CĐ	9.0	
487	12060260146	Nguyễn Thị Thu	Hương	29/01/2003	UDPM1 - K12.CĐ	9.0	
488	12060260109	Vũ Như	Hương	23/06/2003	UDPM1 - K12.CĐ	8.5	
489	12060260126	Trịnh Đình	Huy	10/04/2003	UDPM1 - K12.CĐ	8.5	
490	12060260127	Ngô Quốc	Khánh	16/02/2003	UDPM1 - K12.CĐ	7.0	
491	12060260205	Nguyễn Tiến	Lâm	18/01/2002	UDPM1 - K12.CĐ	8.0	
492	12060260114	Chu Lý	Quỳnh	06/06/2003	UDPM1 - K12.CĐ	7.0	
493	12060260214	Lê Hùng	Son	28/11/1998	UDPM1 - K12.CĐ	9.0	
494	12060260202	Phùng Kim	Thông	03/11/2003	UDPM1 - K12.CĐ	6.0	
495	12060260131	Đỗ Văn	Tiến	02/01/2003	UDPM1 - K12.CĐ	7.5	
496	12060260121	Nguyễn Đức	Toàn	08/09/2003	UDPM1 - K12.CĐ	6.0	
497	12060260144	Phạm Ngọc	Tuấn	20/05/2003	UDPM1 - K12.CĐ	7.0	
498	12060260207	Trần Xuân	Tùng	18/05/2003	UDPM1 - K12.CĐ	8.5	
499	12060260124	Lương Văn	Vũ	01/09/2002	UDPM1 - K12.CĐ	8.0	

TH
 ƠN
 ĐÀN
 NGHỀ
 A NỘ
 *

500	12060910239	Nguyễn Hải	Anh	26/05/2003	VTK 1 - K12.CĐ	4.0	
501	12060120221	Đỗ Xuân	Tú	05/01/2003	VTK 1 - K12.CĐ	7.5	
502	12060240112	Nguyễn Văn	Dũng	15/09/2003	Web 1 - K12.CĐ	8.0	
503	12060240102	Trịnh Bá Khánh	Duy	27/09/2003	Web 1 - K12.CĐ	7.5	
504	12060240125	Trần Thế	Duy	06/11/2003	Web 1 - K12.CĐ	7.5	
505	12060240120	Bùi Văn	Hào	16/12/2003	Web 1 - K12.CĐ	3.5	
506	12060240109	Tạ Văn	Hội	18/06/2000	Web 1 - K12.CĐ	6.5	
507	12060240123	Đào Đức	Hung	18/09/2003	Web 1 - K12.CĐ	5.0	
508	12060240124	Vũ Ngọc	Khánh	21/03/2003	Web 1 - K12.CĐ	5.0	
509	12060240122	Trần Văn	Thuận	24/01/2003	Web 1 - K12.CĐ	8.0	

